

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 2818/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (Vật tư chuyên khoa Tim mạch).
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 09 giờ, ngày 19 / 9 / 2023
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của Quý đơn vị bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá (theo mẫu có ký tên, đóng dấu);
- + Kết quả trúng thầu (Thông báo/Hợp đồng,...) tại các cơ sở y tế, có hiệu lực trong vòng 120 ngày (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (tài liệu lưu hành, catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (02).



BM: CVĐT.01(1)



Nguyễn Hoàng Bắc

 

CÔNG TY.....
 Mã số thuế:
 Địa chỉ:
 Số điện thoại liên hệ:

Mẫu chào giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo Công văn mời chào giá số 2818/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ												
	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng / Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Mã HS (HS Code)	Ghi chú
															Chứng minh giá (nếu có): - Tên cơ sở y tế: - Quyết định trúng thầu: - Giá trúng thầu:
			<i>Lưu ý: Thông tin hàng hóa chào giá phải thống nhất với thông tin hàng hóa đã được BHXH duyệt theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021</i>												

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lựctháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

❖ Thông tin khác về bảng chào giá của Công ty (nếu có):.....

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm theo Công văn số 2818 /BVĐHYD-VTTB ngày 07 tháng 9 năm 2023)

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bình chứa dịch gắn với máy bơm hút huyết khối, thể tích 1000ml	Bình chứa dịch gắn với máy bơm hút huyết khối - Chất liệu bình chứa bằng nhựa cứng - Thể tích 1000ml - Có bộ phận lọc bụi bẩn trước khi gắn vào bơm hút chân không - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
2	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van 1. Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực tối đa 30atm - Thể tích 20 - 25ml 2. Van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm - Đường kính khoảng 9 - 10Fr 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay 5. Khoá ba ngã - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	200
3	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch, kèm dây nối dài 15 - 25cm	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch 1. Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực tối đa 30atm - Thể tích khoảng 20 - 25ml 2. Van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm - Đường kính 9 - 10Fr 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay 5. Khoá ba ngã 6. Dây nối dài 15 - 25cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	300
4	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch, kèm đồng hồ áp lực huỳnh quang	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch, kèm đồng hồ áp lực huỳnh quang 1. Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực tối đa 30atm - Thể tích 20 - 25ml 2. Van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm - Đường kính $\geq 10\text{Fr}$ 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay 5. Khoá ba ngã 6. Dây nối dài khoảng 10 - 20cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1.200
5	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch, loại đẩy và loại súng	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch, loại đẩy và loại súng 1. Chất liệu bơm Polycarbonate - Áp lực $\leq 30\text{atm}$ - Thể tích $\geq 20\text{ml}$ 2. Van Y cầm máu, đường kính 9 - 10Fr 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay 5. Dây nối dài 10 - 20cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	50

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg: - Thân bơm ly tâm: nhựa Polycarbonate (PC) - Cánh bơm gắn bộ dây 3/8 x 3/32 x 15 - 20cm và 1/4 x 1/16 x 40 - 50cm - Bộ dây dẫn tuần hoàn: polyvinyl chloride (PVC) không chứa DEHP. Bao gồm đường động mạch và tĩnh mạch - Chiều dài dây chính: 1/4 x 1/16 x 400 - 500cm - Số lượng và chiều dài các dây phụ: + 03 dây 1/4 x 1/16 x 110 - 130cm + 01 dây 1/4 x 1/16 x 250 - 350cm + 01 dây 1/4 x 1/16 x 10 - 15cm - Có bộ lọc khí tại dây - Thể tích mỗi: ≤ 32ml - Tương thích máy ECMO rotaflow của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	4
7	Bộ điện cực lập bản đồ tim 3D, định vị điện cực 102 lần/giây	Bộ điện cực lập bản đồ tim 3D - Định vị điện cực khoảng 102 lần/giây - Tương thích với hầu hết với các catheter chẩn đoán và cắt đốt - Hiện thị trực quan lên đến 128 điện cực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3
8	Bộ dụng cụ bít ống động mạch bằng coil	Bộ dụng cụ bít ống động mạch bằng coil - Chất liệu coil bằng Nitinol - Đường kính đầu gần từ 4mm đến 6mm - Đường kính đầu xa từ 4mm đến 11mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài 3.5 - 6.0mm - Chiều dài catheter ≥ 85cm - Kích cỡ dụng cụ mở đường 4Fr, 5Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
9	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, bằng Polyamide và Polyethylene, phủ Hydrophilic, dài ≥ 140cm	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành - Chất liệu Catheter bằng Polyamide và Polyethylene, phủ Hydrophilic - Catheter cỡ 6Fr, dài ≥ 140cm, tương thích dây dẫn 0.014" - Dây dẫn trong lòng cathater (Stylet) - Bơm tiêm tương thích - Dây nối - Dây dẫn nhỏ - Lọc huyết khối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
10	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, bằng sợi bện đan xen, phủ Hydrophilic, dài ≥ 140cm	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành - Chất liệu Catheter sợi bện đan xen, phủ Hydrophilic - Catheter cỡ 6Fr, đường kính 0.070", 0.080", dài ≥ 140cm, tương thích dây dẫn 0.014" - Dây dẫn trong lòng cathater (Stylet) - Bơm tiêm tương thích - Dây nối - Dụng cụ đẩy - Lọc huyết khối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, dài $\geq 136\text{cm}$	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành 1. Chất liệu Catheter gồm 3 lớp: lớp ngoài hỗn hợp Nylon và Pebax, lớp giữa sợi kim loại, lớp trong PTFE - Catheter cỡ 6Fr, dài $\geq 136\text{cm}$, ống dẫn dây dẫn dài $\geq 22\text{cm}$, tương thích dây dẫn 0.014" 2. Dây dẫn trong lòng cathater (Stylet) 3. Bơm tiêm tương thích 4. Dây nối 5. Kim xả 6. Khóa 3 ngã 7. Lọc huyết khối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
12	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, phủ Nylon và Pebax, dài $\geq 140\text{cm}$	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành 1. Chất liệu Catheter phủ Nylon và Pebax, bên trong có đường viên bên thép không gỉ - Catheter cỡ 6Fr, dài $\geq 140\text{cm}$, ống dẫn dây dẫn dài $\geq 12\text{cm}$, tương thích dây dẫn 0.014", đoạn ái nước dài $\geq 20\text{cm}$ 2. Dây dẫn trong lòng cathater (Stylet) 3. Bơm tiêm tương thích 4. Dây nối 5. Khay chứa lọc máu 6. Lọc huyết khối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
13	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay, cỡ 4 - 7Fr, dài 7 - 23cm	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay 1. Chất liệu dụng cụ bằng Polyethylene và Ethylene Tetrafluoroethylene - Kích cỡ từ 4Fr đến 7Fr, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài từ 7cm đến 23cm, tối thiểu 4 cỡ 2. Kim luồn cỡ 20G, 21G, dài 2.5 - 4cm 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.018", 0.021", 0.025", dài 40, 45, 80cm 4. Khóa ba ngã 5. Khay cố định - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	250
14	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đường đùi, cỡ 4 - 8Fr	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đường đùi 1. Chất liệu dụng cụ bằng Polyethylene và Polypropylene - Kích cỡ 4 - 8Fr, dài $\geq 11\text{cm}$ - Van bằng Silicone chống trào máu 2. Kim luồn cỡ 18G x 7cm 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.038", dài $\geq 50\text{cm}$, đầu cong hình J 4. Khóa 3 ngã 5. Khay cố định - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	600
15	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 7Fr, dài $\geq 10\text{cm}$	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay 1. Chất liệu dụng cụ bằng ETFE, phủ lớp hydrophilic - Kích cỡ 7Fr, dài $\geq 10\text{cm}$ 2. Kim luồn cỡ 20G x 51mm 3. Dây dẫn nhỏ, đường kính 0.025", dài $\geq 45\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	400

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
16	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, đường kính 4 - 6Fr, dài 7 - 23cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay 1. Chất liệu dụng cụ bằng Polyethylene và Polypropylene - Đường kính từ 4Fr đến 6Fr, dài 7 - 23cm - Van bằng Silicone chống trào máu 2. Kim luồn cỡ 21G 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.018", dài ≥ 40cm, đầu cong hình J 4. Khóa 3 ngã - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	200
17	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, đường kính 4 - 10Fr, dài 7 - 10cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 1. Chất liệu dụng cụ bằng ETFE - Đường kính từ 4Fr đến 10Fr, dài 7 - 10cm - Van bằng Silicone chống trào máu 2. Kim luồn cỡ 18G - 20G 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.025", 0.035", dài ≥ 45cm 4. Bơm tiêm 5. Que nong 6. Dao rạch da - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1.100
18	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, đường kính 5 - 7Fr, dài ≥ 25cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 1. Chất liệu dụng cụ bằng ETFE - Đường kính 5 - 7Fr, dài ≥ 25cm - Van bằng Silicone chống trào máu 2. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.035", dài ≥ 60cm 3. Que nong - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
19	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, phủ lớp ái nước, đường kính 6Fr, dài 10 - 16cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 1. Vỏ bằng ethylene tetrafluoroethylene (ETFE), phủ lớp ái nước Hydrophilic - Đường kính 6Fr, dài 10 - 16cm - Van bằng Silicone chống trào máu 2. Kim luồn cỡ 20G 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.025", dài 45 - 80cm 4. Que nong tương thích 5. Dao rạch da - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	800
20	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, cỡ 4 - 9Fr, dài 11 - 70cm	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu 1. Chất liệu dụng cụ bằng nhựa mềm - Nhiều kích cỡ từ 4Fr đến 9Fr, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 11 - 70cm, tối thiểu 3 cỡ 2. Kim luồn 3. Dây dẫn nhỏ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	400
21	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, cỡ 4Fr, 5Fr, dài ≥ 10cm	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, dạng siêu nhỏ - Kim 21G dài khoảng 4 - 7cm - Dụng cụ mở đường cỡ 4Fr, 5Fr, dài ≥ 10cm - Dây dẫn đường có đường kính 0.018", dài ≥ 40cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
22	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, cỡ 5Fr đến 8Fr, dài 7 - 11cm	Bộ dụng cụ mở đường mạch máu bằng vòng xoắn coil kim loại - Đường kính từ 5Fr đến 8Fr, tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài 7 - 11cm - Bao gồm: dây dẫn kèm khóa 3 ngã - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	12
23	Bộ dụng cụ sửa van 2 lá can thiệp qua da	Bộ dụng cụ sửa van hai lá qua đường ống thông dạng kẹp mép van - Chất liệu bằng Cobalt Chromium, được phủ bằng sợi polyester - Chiều dài cánh kẹp từ 9mm đến 12mm - Chiều rộng cánh kẹp khi cố định từ 4mm đến 6mm - Chiều rộng cánh kẹp khi mở góc tối đa từ 20mm đến 25mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
24	Bộ dụng cụ thay van động mạch phổi qua đường ống thông	Bộ dụng cụ thay van động mạch phổi qua đường ống thông - Chất liệu khung Nitinol, bên trong lá van bằng màng ngoài tim của heo - Đường kính ngoài của van từ 18mm đến 32mm, tối thiểu 6 cỡ - Đường kính độ leo của van từ 22mm đến 36mm, tối thiểu 6 cỡ - Kích thước ống thông thả van 18Fr - 20Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
25	Bộ kim chọc dẫn lưu đường mật xuyên gan qua da, các cỡ	Bộ kim chọc dẫn lưu đường mật xuyên gan qua da 1. Vỏ cỡ 6.0Fr, phủ lớp ái nước/ phủ silicone 2. Kim chọc cỡ 21G, 22G 3. Dây dẫn bằng chất liệu Nitinol/ thép không gỉ, cỡ 0.018" - 0.038", dài 60 - 145cm 4. Cannula cứng, ống thông nòng cỡ 4.0Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
26	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa động mạch liên tục trong chạy tuần hoàn ngoài cơ thể, bằng nhựa PC	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa động mạch liên tục trong hệ thống oxy hóa ngoài màng cơ thể: - Chất liệu: Polycarbonate (PC) - Kích thước: 75 x 110 x 29mm - Trọng lượng đầu dò khoảng 100g - Đường kính: 3/8"; 1/4"; 3/16" - Lưu lượng máu qua $\leq 5000\text{ml/phút}$, áp lực $\geq 1\text{bar}$ (750mmHg) - Tương thích với máy đo độ oxy bão hòa động mạch (Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	15
27	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa tĩnh mạch liên tục trong chạy tuần hoàn ngoài cơ thể, bằng nhựa PC	Bộ kit đo độ Oxy bão hòa tĩnh mạch liên tục trong chạy tuần hoàn ngoài cơ thể: - Chất liệu: Polycarbonate (PC) - Kích thước: 75 x 110 x 29mm - Trọng lượng: 100g - Đường kính: 1/2", 3/8", 1/4" - Lưu lượng máu qua $\leq 7000\text{ml/phút}$, áp lực $\geq 1\text{bar}$ (750mmHg) - Tương thích với máy đo độ bão hòa tĩnh mạch liên tục của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	15

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28	Bộ nong dưới da dùng khi đặt cannula ECMO, phủ chất chống đông	Bộ nong dưới da dùng khi đặt cannula ECMO theo phương pháp Seldinger 1. Ống nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO ₄ 2. Dây dẫn đường: thép không gỉ - Đường kính 0.038" x dài 100 - 150cm 3. Dao mổ rạch da 4. Bơm tiêm 5. Kim tiêm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	57
29	Bộ phân phối 2, 3 đường	Bộ phân phối 2, 3 đường - Chất liệu Polycarbonate - Đường kính trong tối thiểu 0.093" - Van khóa 2, 3 ngã, chịu áp lực 200 - 500psi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
30	Bộ phân phối 3 đường, dài ≥ 150cm	Bộ phân phối 3 đường 1. Chất liệu bộ phân phối Polycarbonate - Van khóa 3 ngã 2. Dây theo dõi áp lực dài ≥ 150cm 3. Dây truyền dịch 4. Dây truyền thuốc cản quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1.000
31	Bộ phân phối 3 đường, dài 8 - 10cm	Bộ phân phối 3 đường - Chất liệu Polycarbonate - Dài 8 - 10cm - Có tay cầm, van khóa 3 ngã, chịu được áp lực ≥ 600psi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
32	Bộ thả dù có van cầm máu	Bộ thả dù có van cầm máu - Chất liệu ống thông PTFE, phủ lớp Pebax - Đường kính 5 - 14Fr - Chiều dài ≥ 80cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	30
33	Bộ thả dù đóng lỗ tiểu nhĩ, kích cỡ 12 - 14Fr	Bộ thả dù đóng lỗ tiểu nhĩ - Chất liệu ống thông bằng nhựa, cáp bằng thép không gỉ - Đầu cong 45° - Kích cỡ 12 - 14Fr - Chiều dài ≥ 80cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
34	Bộ thả dù đóng ống động mạch, liên thất, liên nhĩ, có cản quang, cỡ 6 - 12Fr	Bộ thả dù đóng ống động mạch, liên thất, liên nhĩ - Chất liệu ống thông bằng nhựa, cáp bằng thép không gỉ - Có van cầm máu áp suất cao với khớp nối xoay - Kích cỡ 6 - 12Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	70
35	Bộ thả dù đóng thông liên nhĩ	Bộ thả dù đóng thông liên nhĩ - Chất liệu ống thông bằng nhựa với lớp lót PTFE bên trong - Dài 60 - 79cm - Đường kính ngoài 6 - 14Fr - Đầu cong 45° - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
36	Bộ thả dù đóng thông liên thất, liên nhĩ, có van vận cầm máu áp suất cao	Bộ thả dù đóng thông liên thất, liên nhĩ, có van vận cầm máu áp suất cao 1. Chất liệu: khung bên bằng Tungsten, phủ lớp Nylon, Colorant. Bên trong ống thông phủ lớp PTFE - Sheath dài $\geq 80\text{cm}$ - Góc gấp $45^\circ/180^\circ$ 2. Ống nối chữ Y với van cầm máu - Tương thích với dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	70
37	Bộ thay máu hoàn hồi dùng cho máy XTRA Cellsaver	Bộ thay máu hoàn hồi bằng việc thu nhận và lọc rửa máu liên tục dựa trên kỹ thuật quay ly tâm sau đó truyền lại cho người bệnh. 1. Bình chứa máu: - Phủ lớp Polyurethane - Thể tích: 3500 - 4000ml - Cổng kết nối: 1/4" x 3 cổng, 3/8" x 1 cổng 2. Đầu bơm ly tâm: thể tích 125 - 175ml 3. Cốc lọc: quay ly tâm 360° 4. Túi chứa dịch thải: 9 - 10 lít - Tương thích với máy tách tế bào và truyền máu tự động XTRA Cell Saver (máy bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	90
38	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh $\leq 20\text{kg}$ 1. Bộ trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) - Diện tích bề mặt: $0.8 - 1\text{m}^2$ - Lưu lượng khí: $\leq 5.6\text{ lít/phút}$ 2. Bộ trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) - Diện tích bề mặt: $0.1 - 0.15\text{m}^2$ - Đầu nối nước trao đổi nhiệt: 1/2" 3. Thân phổi: nhựa Polycarbonate (PC) 4. Thân bơm: nhựa Polycarbonate (PC) 5. Đầu bơm ly tâm gắn kèm dây dẫn - Lưu lượng máu: $\leq 3\text{ lít/phút}$ - Thể tích mỗi: $\leq 90\text{ ml}$ - Thời gian sử dụng phổi liên tục: 14 - 30 ngày - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo ECMO/Rotaflo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	4
39	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu kèm dây dẫn cho người bệnh trên 20kg	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh trên 20kg 1. Bộ trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) - Diện tích bề mặt: $1.6 - 1.8\text{ m}^2$ - Lưu lượng khí: lên đến 14 lít/ phút 2. Bộ trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) - Diện tích bề mặt: $0.3 - 0.4\text{m}^2$ - Đầu nối nước trao đổi nhiệt: 1/2" 3. Thân phổi: nhựa Polycarbonate (PC) 4. Thân bơm: nhựa Polycarbonate (PC) 5. Đầu bơm ly tâm gắn kèm dây dẫn có đường kính 3/8 inch (chất liệu PVC) - Lưu lượng máu: $0.5 - 7\text{ lít/phút}$ - Thể tích mỗi: 200 - 215 ml - Thời gian sử dụng phổi liên tục khoảng 14 ngày - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo ECMO Rotaflo (Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	35

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
40	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, diện tích màng 0.5m ² , 1.5m ² và 2.5m ²	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể: - Bình chứa máu : - Vỏ bằng polycarbonate - Phin lọc: polyester, kiểu lưới - Chất khử bọt polyurethane - Thể tích bình chứa: 1000 - 4000ml - Bộ phận trao đổi nhiệt tích hợp lọc động mạch: thép không gỉ - Màng lọc: polyester, lỗ màng lọc 32 - 35 micromet; - Sợi lọc bằng microporous polypropylene - Thể tích mỗi: 40 - 300ml - Diện tích màng trao đổi oxy: 0.5m², 1.5m², 2.5m² - Thể tích hoạt động tối thiểu: 15 - 200ml - Bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ, có diện tích bộ trao đổi nhiệt 0.035 - 0.2m² - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	540
41	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, diện tích màng trao đổi 0.6 - 0.67m ² , lưu lượng máu trao đổi 0.1 - 2 lít/phút	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể: - Bình chứa máu: mặt trong phù hợp chất sinh học hydrophilic - Thể tích: 1200 - 1300ml, có 2 màng lọc bên trong lỗ 30- 64µm, van điều tiết áp lực - Bộ phận trao đổi khí: - Diện tích màng trao đổi: 0.6 - 0.67m² - Lưu lượng máu trao đổi: 0.1 - 2 lít/phút, - Bộ phận trao đổi nhiệt: Polyethylene Terephthalate (PET) - Cổng ra động mạch 1/4" - Cổng vào tĩnh mạch 1/4" - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
42	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, diện tích màng trao đổi 0.84m ² , lưu lượng máu trao đổi 0.5 - 3.0 lít/phút	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: phù PC phosphorylcholine - Bình chứa máu: + Thể tích chứa máu 2500 - 3000ml + Kích thước lưới lọc bể chứa tĩnh mạch: 80µm + Kích thước lưới lọc tim mạch : 40µm - Bộ phận trao đổi khí: + Diện tích bề mặt: 0.8 - 0.9m² + Thể tích mỗi: 100 - 130ml - Lưu lượng máu: 0.5 - 3.0 lít/ phút - Kết nối : 3/8"- 1/4" - Bộ phận trao đổi nhiệt: + Diện tích bề mặt: 0.3 - 0.4m² - Tương thích máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 (Bệnh viện) Sử dụng cho người bệnh có trọng lượng từ 12 - 25kg - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	40
43	Bộ tim phổi nhân tạo trao đổi Oxy bên ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh nặng cân ≥ 50kg	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm lọc động mạch dành cho người bệnh ≥ 50kg - Bình chứa máu: bên trong phù Phosphorylcholine - Thể tích tối đa: 4000 - 4500ml - Bộ phận trao đổi khí: có màng lọc chất liệu polyester, diện tích màng lọc xấp xỉ 1.75m², lưu lượng máu tối đa: 7 - 8 L/phút, phin lọc động mạch ≥ 38 µm - Bộ phận trao đổi nhiệt: chất liệu Polyurethane, diện tích bề mặt khoảng 0.3 - 0.5m² - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
44	Bộ tim phổi nhân tạo trao đổi Oxy bên ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh hạng cân từ 20 - 50kg	Bộ tim phổi nhân tạo trao đổi Oxy bên ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh hạng cân từ 20 - 50kg - Bình chứa máu: bên trong phủ sinh học - Phosphorylcholine, thể tích tối đa: 4000 - 4500ml - Bộ phận trao đổi khí: có màng lọc chất liệu polyester, diện tích màng lọc xấp xỉ 1.4 m², lưu lượng máu tối đa: 6 - 6.5 L/phút, phin lọc động mạch 35 - 38 μm - Bộ phận trao đổi nhiệt: chất liệu Polyurethane, diện tích bề mặt khoảng 0.4 - 0.42m² - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20
45	Bộ tim phổi nhân tạo, bằng polyethylene terephthalate, diện tích màng trao đổi khí 2.5 - 2.7m ² , lưu lượng máu trao đổi 1 - 7 lít/ phút	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể 1. Bình chứa máu: phủ lớp ưa nước bên trong. Có ít nhất 6 màng lọc 2. Bộ phận trao đổi khí: sợi rỗng Polypropylene, có van điều tiết áp lực và vạch cảnh báo thể tích 3. Bộ phận trao đổi nhiệt: cổng ra động mạch 3/8", cổng vào tĩnh mạch 3/8". - Tích hợp bộ lọc động mạch - Lưu lượng trao đổi: 1 - 7 lít/ phút - Thể tích mỗi: ≤ 260ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí: 2.5 - 2.7m² - Áp lực trao đổi nước: ≤ 30psi - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
46	Bơm tiêm cân quang 150ml	Bơm tiêm cân quang 150ml - Chất liệu Copolyester không latex - Áp suất ≥ 1200psi/ 84bar - Tương thích máy Optivantage Mallinkrodt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1.000
47	Bơm tiêm dùng trong can thiệp mạch máu, cỡ 1ml, 3ml, 10ml	Bơm tiêm dùng trong can thiệp mạch máu - Chất liệu bằng Polycarbonate - Đầu luer lock - Kích cỡ 1ml, 3ml, 10ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	400
48	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, cỡ 7.5Fr	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ 1. Bóng: Durathan 2. Catheter và dụng cụ đi kèm: không chứa Latex - Dung tích từ 25cc đến 40cc, chiều dài bóng tương ứng (165 - 258mm) - Đường kính: khoảng 0.6" (15mm), đường kính trong khoảng 0.027" - Kích cỡ: 7.5Fr - Tương thích máy bơm bóng đối xung động mạch chủ Datascope CS 300 (Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	40

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
49	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, cỡ 7Fr - 9Fr	- Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ - Chất liệu màng bóng Cardiothane II, lớp phủ Hydrophilic - Kích cỡ: 7Fr, 8Fr, 9Fr - Thể tích bóng 30cc, 40cc, 50cc - Đường kính lumen trung tâm khoảng 0.027" - Catheter chất liệu bằng Polyurethane - Tương thích dây dẫn 0.025" - Tương thích với máy Autocat (bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
50	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não cổ rộng, 2 nòng	- Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não cổ rộng, 2 nòng - Chất liệu phủ Hydrophilic tại ngã ba (nòng- bóng - ống thông) - Đường kính 4mm - Dài 10, 15, 20mm - Dạng rỗng nòng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
51	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não	- Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não, hỗ trợ thả coils - Chất liệu Pebax, Polyurethane - Đường kính từ 3mm đến 5mm, tối thiểu 03 cỡ - Chiều dài từ 10mm đến 30mm, tối thiểu 03 cỡ - Catheter mang bóng: dài 140 - 150cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
52	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não, đường kính bóng 1.25 - 4.0mm, dài 10 - 40mm	- Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não - Đường kính bóng từ 1.25mm đến 4.0mm, tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài bóng 10 - 40mm, tối thiểu 2 cỡ - Catheter dài ≥ 160cm - Áp lực vỡ bóng ≥ 14atm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25
53	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não, đường kính bóng 1.5 - 4.0mm	- Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não - Chất liệu bóng bằng Pebax, catheter bằng Silicon - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 03 cỡ - Chiều dài bóng ≥ 8mm - Chiều dài catheter mang bóng ≥ 150cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
54	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên khoeo và dưới gối, đường kính bóng 3.0 - 8.0mm, dài 10 - 60mm	- Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên khoeo và dưới gối. - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng từ 3.0mm đến 8.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng từ 10mm đến 60mm, tối thiểu 3 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.014" và 0.018" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
55	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, catheter phủ lớp ái nước bền vững	- Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Catheter phủ ái nước - Đường kính từ 1.5mm đến 12.0mm - Dài từ 20mm đến 200mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
56	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 1.5 - 6.0mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu phù: Hydro; Silicone - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 6.0mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài bóng 15 - 120mm, tối thiểu 6 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	55
57	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5 - 10mm, dài 20 - 220mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 220mm, tối thiểu 5 cỡ - Tương thích nhiều loại dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
58	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5 - 4.0mm, dài 20 - 220mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Nybax, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng từ 20mm đến 220mm, tối thiểu 6 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.014"/0.018" - Hệ thống loại OTW và Monorail - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
59	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 12 - 18mm, dài 20 - 60mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Co-Extruded, phủ ái nước - Đường kính bóng từ 12mm đến 18mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 60mm, tối thiểu 3 cỡ - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
60	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0 - 10.0mm, dài 10 - 220mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Pebax, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 10.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài từ 10mm đến 220mm, tối thiểu 5 cỡ - Tương thích với dây dẫn $\leq 0.018"$ - Hệ thống loại OTW và Monorail - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
61	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0 - 7.0mm, dài 20 - 150mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu: Nylon/Pebax - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 7.0mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 150mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài catheter mang bóng 90cm/130cm/180cm - Tương thích dây dẫn 0.018" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
62	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0 - 7.0mm, dài 20 - 220mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 7.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 200mm, tối thiểu 5 cỡ - Tương thích nhiều loại dây dẫn 0.018" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25
63	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0 - 7.0mm, tương thích dây dẫn 0.018"	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 7mm - Chiều dài catheter từ 85cm đến 150cm - Áp lực vỡ bóng $\geq 10\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn 0.018" - Tương thích với dụng cụ mở đường 4Fr/5Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
64	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0 - 12.0mm, dài 20 - 200mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Nylon/Pebax - Đường kính bóng từ 3.0mm đến 12.0mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 200mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài catheter mang bóng 40cm/80cm/135cm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại đồng trục (over the wire) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
65	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0 - 12mm, dài 20 - 250mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng từ 3.0mm đến 12mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 250mm, tối thiểu 5 cỡ - Tương thích nhiều loại dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25
66	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0 - 12mm, dài 20 - 200mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Nybax - Đường kính bóng từ 3.0mm đến 12mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài bóng từ 20mm đến 200mm, tối thiểu 7 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
67	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0 - 7.0mm, dài 40 - 120mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Phủ thuốc Paclitaxel - Đường kính bóng từ 3.0mm đến 7.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng từ 40mm đến 120mm, tối thiểu 4 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.018" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
68	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 4.0 - 10mm, dài 20 - 120mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng từ 4.0mm đến 10mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng từ 20mm đến 120mm, tối thiểu 6 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
69	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 4.0 - 10mm, dài 20 - 200mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng từ 4mm đến 10mm - Chiều dài bóng từ 20mm đến 200mm - Chiều dài catheter từ 85cm đến 135cm, tối thiểu 2 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 8\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tương thích dụng cụ mở đường: 5F- 7F - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
70	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 4.0 - 10mm, dài 20 - 60mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên áp lực cao - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng từ 4.0mm đến 10mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 60mm - Áp lực tối đa $\geq 38\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
71	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0 - 8.0mm, dài 30 - 150mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc - Chất liệu bóng: Pebax - Phủ thuốc: Paclitaxel - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 8.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng từ 30mm đến 150mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài hệ thống từ 80cm đến 150cm, tối thiểu 4 cỡ - Áp suất $\geq 14\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn 0.018" - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
72	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, Phủ thuốc Paclitaxel và Polysorbate/Sorbitol, đường kính bóng 2 - 12mm, dài 20 - 150mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel và Polysorbate/Sorbitol - Chất liệu Polyamide/Nylon/Pebax - Đường kính bóng 2 - 12mm - Chiều dài bóng 20 - 150mm - Chiều dài Catheter 75cm/130cm - Áp suất $\geq 12\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn 0.014"/0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
73	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2 - 7mm, dài 20 -200mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel - Đường kính từ: 1.5mm đến 7.0mm, - Dài từ 20mm đến 200mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
74	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2 - 7mm, dài 40 - 150mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng từ 2mm đến 7mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài bóng từ 40mm đến 150mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài catheter từ 85cm đến 150cm, tối thiểu 2 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 8\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn 0.018" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
75	Bóng nong can thiệp mạch vành dạng dao cắt	Bóng nong can thiệp mạch vành dạng dao cắt - Chất liệu Nylon/Pebax, phủ lớp ái nước Zglide - Hệ thống mang 3 - 4 lưỡi dao - Đường kính 2 - 4mm - Dài 6 - 15mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
76	Bóng nong đo kích thước lỗ thông liên nhĩ, đường kính bóng 18 - 34mm	Bóng nong đo kích thước lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu nhựa - Đường kính bóng từ 18mm đến 34mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
77	Bóng nong đo kích thước lỗ thông liên nhĩ, đường kính bóng 24 - 34mm	Bóng nong đo kích thước lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu Polymaide - Đường kính bóng từ 24mm đến 34mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
78	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ, đường kính bóng 25 - 35mm	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu Urethane - Đường kính bóng từ 25mm đến 35mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
79	Bóng nong động mạch vành dạng cắt dùng trong vôi hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent	Bóng nong động mạch vành dạng cắt dùng trong vôi hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent - Chất liệu Nylon 12 bao lớp siêu ái nước. Gắn 3 thành tổ nylon dọc theo bên ngoài bóng với khoảng cách 120° - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Dài $\geq 13\text{mm}$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 14\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
80	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2.0 - 5.0mm, dài 8 - 30mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu: Polyamide - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm, tối thiểu 7 cỡ. - Chiều dài bóng 8 - 30mm, tối thiểu 4 cỡ. - Áp lực vỡ bóng $\geq 19\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
81	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2.25 - 4.5mm, dài 8 - 20mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính bóng từ 2.25mm đến 4.5mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 8 - 20mm, tối thiểu 4 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
82	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.5 - 4.5mm, dài 8 - 30mm, bằng Polyamide	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.5mm, tối thiểu 10 cỡ - Chiều dài bóng từ 8mm đến 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{tm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
83	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.5 - 5.0mm, dài 6 - 25mm, bằng Pebax	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Pebax - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 5.0mm, tối thiểu 08 cỡ - Chiều dài bóng từ 6mm đến 25mm, tối thiểu 04 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 18\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
84	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.75 - 5.0mm, dài 8 - 18mm, bằng Nylon	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính bóng từ 1.75mm đến 5.0mm, tối thiểu 10 cỡ - Chiều dài bóng 8 - 18mm, tối thiểu 5 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 18\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	350
85	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 - 4.5mm, dài 8 - 25mm, bằng Nylon	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 4.5mm, tối thiểu 9 cỡ - Chiều dài bóng 8 - 25mm, tối thiểu 5 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
86	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 - 5.0mm, dài 6 - 27mm, bằng Nylon/Pebax	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon/Pebax - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài bóng 6 - 27mm, tối thiểu 5 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 18\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
87	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 - 5.0mm, dài 6 - 27mm, bằng Polymer	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Polymer - Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm, tối thiểu 7 cỡ. - Chiều dài từ 6mm đến 27mm, tối thiểu 4 cỡ. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	150
88	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 - 5.0mm, dài 6 - 30mm, bằng Elastomer và Polyamide	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Elastomer và Polyamide, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 6 - 30mm, tối thiểu 5 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
89	Bóng nang mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 - 5.0mm, dài 8 - 20mm, bằng Nylon/Pebax	Bóng nang mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon/Pebax - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài bóng 8 - 20mm, tối thiểu 3 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
90	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 - 5.0mm, dài 8 - 30mm, bằng Semi Crystalline Polymer	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 8 - 30mm, tối thiểu 5 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
91	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0 - 6.0mm, dài 6 - 30mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 6.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 6 - 30mm, tối thiểu 5 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	350
92	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.5 - 4.0mm, dài 10 - 20mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính bóng từ 2.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng 10 - 20mm, tối thiểu 3 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
93	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0 - 4.0mm, dài 10 - 20mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax - Đường kính từ 1.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài 10 - 20mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
94	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0 - 4.0mm, dài 5 - 30mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu bóng: Nylon - Đường kính từ 1.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 10 cỡ - Chiều dài 5 - 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
95	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0 - 4.0mm, dài 5 - 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax - Đường kính từ 1.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 5 - 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
96	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0 - 4.0mm, dài 5 - 40mm, bằng Nylon/ Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon/ Polyamide - Đường kính bóng từ 1.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 5 - 40mm, tối thiểu 5 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
97	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0 - 4.0mm, dài 6 - 30mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính từ 1.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài từ 6mm đến 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
98	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.2 - 3.5mm, dài 6 - 20mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính từ 1.2mm đến 3.5mm, tối thiểu 8 cỡ - Chiều dài 6 - 20mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
99	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.2 - 4.0mm, dài 8 - 30mm, bằng Nylon/Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon/Pebax - Đường kính từ 1.2mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 8 - 30mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
100	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.2 - 5.0mm, dài 6 - 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax - Đường kính bóng từ 1.2mm đến 5.0mm, tối thiểu 08 cỡ - Chiều dài bóng từ 6mm đến 30mm, tối thiểu 04 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
101	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25 - 4.0mm, dài 10 - 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu: Pebax - Đường kính từ 1.25mm đến 4.0mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài 10 - 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
102	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25 - 4.0mm, dài 6 - 30mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon - Đường kính từ 1.25mm đến 4.0mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài 6 - 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	150
103	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25 - 4.0mm, dài 6 - 30mm, bằng Semi Crystalline Co-Polymer	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Semi Crystalline Co-Polymer - Đường kính từ 1.25mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 6 - 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
104	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25 - 5.0mm, dài 5 - 40mm, bằng Nylon/Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon/Pebax - Đường kính từ 1.25mm đến 5.0mm, tối thiểu 8 cỡ - Chiều dài 5 - 40mm, tối thiểu 5 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
105	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5 - 4.0mm, dài 10 - 20mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp. - Chất liệu Pebax - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng 10 - 20mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
106	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5 - 4.0mm, dài 10 - 40mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 7 cỡ. - Chiều dài từ 10mm đến 40mm, tối thiểu 5 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
107	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5 - 4.0mm, dài 10 - 50mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài từ 10mm đến 50mm, tối thiểu 5 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
108	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5 - 4.0mm, dài 12 - 30mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 12 - 30mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
109	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5 - 4.0mm, dài 6 - 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm, tối thiểu 6 cỡ. - Chiều dài từ 6mm đến 30mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
110	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.75 - 4.0mm, dài 10 - 20mm, bằng Nylon, có hệ thống dây dẫn kép	Bóng nong mạch vành áp lực thấp có hệ thống dây dẫn kép - Chất liệu bóng: Nylon blend, dây đính kèm bằng Nitinol - Đường kính từ 1.75mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài từ 10mm đến 20mm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	250
111	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 1.00 - 5.00mm, dài 5 - 60mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu: Polyamide / Nylon / Pebax - Đường kính bóng từ 1.00mm đến 5.00mm, tối thiểu 16 cỡ - Chiều dài từ 5mm đến 60mm, tối thiểu 10 cỡ - Tương thích ống thông can thiệp 5F - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
112	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 1.50 - 4.50mm, dài 10 - 40mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nylon/Pebax - Đường kính bóng từ 1.50mm đến 4.50mm, tối thiểu 11 cỡ - Chiều dài từ 10mm đến 40mm, tối thiểu 6 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 16\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	20
113	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0 - 4.0mm, dài 10 - 30mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu: Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài bóng 10 - 30mm, tối thiểu 2 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 12\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
114	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0 - 4.0mm, dài 10 - 40mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nylon/Pebax - Đường kính từ 2.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài từ 10mm đến 40mm, tối thiểu 6 cỡ - Áp lực vỡ bóng $\geq 14\text{atm}$ - Có nghiên cứu lâm sàng ≥ 25000 Bệnh nhân - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
115	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao, đường kính bóng 1.5 - 4.5mm, dài 10 - 20mm	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao - Chất liệu Polyamid - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.5mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài bóng 10 - 20mm, tối thiểu 3 cỡ - Áp lực tối đa ≥ 35 bar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
116	Bóng nong phá vách liên nhĩ, đường kính bóng 9.5 - 13.5mm	Bóng nong phá vách liên nhĩ - Chất liệu nhựa tổng hợp (không DEHP) - Đường kính bóng từ 9.5mm đến 13.5mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
117	Bóng nong van động mạch phổi và động mạch chủ áp lực cao, đường kính bóng 5.0 - 25mm, dài 20 - 60mm	Bóng nong van động mạch phổi và động mạch chủ áp lực cao - Chất liệu Co-Polymer - Đường kính từ 5.0mm đến 25mm, tối thiểu 10 cỡ - Chiều dài từ 20mm đến 60mm, tối thiểu 3 cỡ - Áp lực 2 - 6atm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
118	Bóng nong van động mạch phổi và hỗ trợ TAVI, áp lực thấp, đường kính bóng 4.0 - 30mm, dài 20 - 60mm	Bóng nong van động mạch phổi và động mạch chủ áp lực thấp - Chất liệu Co-Polymer - Đường kính từ 4.0mm đến 30mm, tối thiểu 10 cỡ - Chiều dài từ 20mm đến 60mm, tối thiểu 3 cỡ - Áp lực 1.0 - 4.5atm - Tương thích dây dẫn 0.021", 0.035" - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
119	Bóng nong van động mạch phổi, áp lực thấp/cao, đường kính bóng 4.0 - 25mm, dài 20 - 60mm	Bóng nong van động mạch phổi và động mạch chủ áp lực thấp/cao - Chất liệu Thermoplastic Elastomer (không có DEHP) - Đường kính bóng từ 4.0mm đến 25mm, tối thiểu 8 cỡ - Chiều dài bóng 20 - 60mm, tối thiểu 4 cỡ - Áp lực 1 - 6atm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
120	Cannula động mạch chủ đầu cong 90° dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula động mạch chủ đầu cong 90° dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula đầu cong 90°, đầu có đường đánh dấu, co nối với dây dẫn có cổng đuôi khí - Kích thước: từ 20Fr đến 22Fr, co nối 3/8", chiều dài cannula ≥ 25 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
121	Cannula động mạch chủ đầu thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula động mạch chủ đầu thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula đầu vát có gờ cố định, đầu có đường đánh dấu - Kích thước: 20Fr, co nối dây dẫn 3/8", chiều dài ≥ 17.5 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
122	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể, cỡ 15 - 21Fr	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula đầu tip có vòng xoắn chống gập - Kích thước: từ 15Fr đến 21Fr, với chiều dài đầu tip ≥ 18 cm, chiều dài cannula ≥ 31 cm, co nối dây dẫn 3/8" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
123	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể, cỡ 8 - 14Fr	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula đầu tip có vòng xoắn chống gấp - Kích thước: từ 8Fr đến 14Fr, với chiều dài đầu tip $\geq 10\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 22\text{cm}$, co nối dây dẫn 1/4" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
124	Cannula động mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, dài tối thiểu 22cm	Cannula động mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc silicon - Cannula có vòng xoắn chống gấp, đầu cong 135°, có dấu định hướng, và vạch phân chia độ dài xác định vị trí - Kích thước: từ 8Fr đến 12Fr, đầu kết nối 3/16" - 1/4", chiều dài cannula $\geq 22\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	45
125	Cannula động mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể, cỡ 15 - 23Fr	Cannula động mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể - Chất liệu: Polyurethane - Cấu tạo chống gấp, phủ lớp Bioline - Kích cỡ từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài từ 15cm đến 23cm - Cổng kết nối 3/8" - Có 2 lỗ trên đầu ống - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	43
126	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC và Silicon - Cannula có vòng xoắn chống gấp - Kích thước: từ 6Fr đến 16Fr, co nối dây dẫn 1/4" có cổng đuôi khí, chiều dài $\geq 22.5\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	35
127	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Kích cỡ từ 12Fr đến 32Fr, tối thiểu 12, 14, 16, 28, 30, 32Fr, co nối dây dẫn 1/4" - 3/8", chiều dài $\geq 30\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
128	Cannula tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, co nối 3/8"-1/2", các cỡ	Cannula tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí, gồm 2 lỗ hút: ở đầu cannula và thân cannula - Kích thước: từ 22Fr đến 25Fr - Đường kính thân ống có 2 loại, co nối dây dẫn 3/8" và 1/2", chiều dài cannula $\geq 60\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
129	Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, đầu tip dài 50 - 60cm, cỡ 15 - 25Fr	Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Kích thước: từ 15Fr đến 25Fr, chiều dài đầu tip $\geq 50\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 64\text{cm}$, đầu nối dây dẫn 3/8" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
130	Cannula tĩnh mạch đùi trẻ em dùng tuần hoàn ngoài cơ thể, cỡ 8 - 14Fr	- Cannula tĩnh mạch đùi trẻ em dùng tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicon - Cannula có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Kích thước: từ 8Fr đến 14Fr, chiều dài đầu tip $\geq 10\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 20\text{cm}$, đầu nối dây dẫn 1/4" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
131	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, 1 tầng đầu cong, co nối 1/4", 3/8"	- Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc silicon, đầu bằng thép không gỉ - Có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài - Kích thước: từ 12Fr đến 31Fr, co nối dây dẫn 1/4" và 3/8", chiều dài $\geq 35\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	140
132	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, 2 tầng nhĩ phải, lò xo tăng cường	- Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC và Silicon - Có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài - Kích thước: cỡ 32 - 46Fr, đầu nối dây dẫn 1/2", chiều dài $\geq 38\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
133	Cannula tĩnh mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể, cỡ 19 - 29Fr	- Cannula tĩnh mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể - Chất liệu: Polyurethane - Cấu tạo chống gập, phủ lớp Bioline - Kích cỡ từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài từ 38cm đến 55cm - Cổng kết nối 3/8" - Số lỗ: 10 - 35 lỗ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	37
134	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng, cỡ 15Fr, dài tối thiểu 30cm	- Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng trong phẫu thuật tim - Chất liệu PVC và Silicon, - Thân cannula có lò xo chống gập có thể uốn cong, đuôi nối femal Leur - lock, đầu cannula có bóng chèn và có đường đo áp lực bơm - Kích thước: 15Fr, chiều dài tối thiểu 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
135	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ, cỡ 7 - 9Fr, dài tối thiểu 30cm	- Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu Cannula bằng PVC, nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng thẳng đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối femal Leur - lock - Kích thước: từ 7 - 9Fr chiều dài $\geq 30\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
136	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ, cỡ 7 - 9Fr	- Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ - Chất liệu: Cannula bằng PVC, nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng chữ Y có cổng đo áp lực bơm, đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối femal Leur - lock - Kích thước: từ 7Fr đến 9Fr, chiều dài tối thiểu 14cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
137	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành ở trẻ em	- Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành ở trẻ em - Cannula mềm đầu có bóng bằng silicon, cổng kết nối female Leur - lock - Kích thước từ 2mm đến 6mm, chiều dài tối thiểu 5.5cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
138	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành, chiều dài tối thiểu 25cm	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành - Cannula mềm đầu có bóng bằng silicon, cổng kết nối female Leur - lock - Kích thước từ 15Fr - 17Fr - 20Fr, chiều dài tối thiểu 25cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
139	Cannula truyền dung dịch liệt tim, đầu silicone, cỡ 12Fr, dài tối thiểu 19cm	Cannula truyền dung dịch liệt tim trực tiếp xuôi dòng vào lỗ vành - Chất liệu Cannula bằng thép không gỉ, đầu silicon mềm - Cannula dạng thẳng, đầu cong 45°, 90° có nút chặn và cố định, đuôi nối female Leur - lock - Đầu cong 45°, 90° - Kích thước: cỡ 12Fr, chiều dài tối thiểu 19cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	35
140	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý - Chiều dài $\geq 2.5m$ - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 và điện cực cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3
141	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện - Tương thích catheter đốt cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
142	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, dài 150 - 300 cm	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý điều khiển độ cong 2 chiều tự động khóa - Dài 150 - 300cm - Tương thích catheter cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
143	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 25-pin	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3m$ - Tương thích catheter 25-pin cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
144	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 34-pin	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3m$ - Tương thích catheter 34-pin cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
145	Cáp nối Catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định	Cáp nối Catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định - Dài $\geq 150cm$ - Tương thích catheter cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
146	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim loại cáp nối cho 20 điện cực	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim cho 20 điện cực cho catheter lập bản đồ 3D - Tương thích với điện cực cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
147	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 2.7\text{m}$ - Tương thích với catheter thăm dò rối loạn điện sinh lý tim cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
148	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, catheter 12pin	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3\text{m}$ - Cấp kết nối catheter 12 pin - Tương thích với catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4, 8, 10 điện cực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
149	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, catheter 34pin	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3\text{m}$ - Cấp kết nối catheter 34 pin - Tương thích Catheter điện sinh lý tim cho chẩn đoán cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
150	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, cỡ 7Fr, đầu điện cực 4mm	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim - Điện cực bằng Platinum - Cỡ: 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực 4mm, khoảng cách điện cực 2 - 5 - 2mm - Có thể điều khiển được tối thiểu 03 độ cong từ đầu catheter đến thân tối thiểu $\geq 32\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
151	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 1 chiều, cỡ 7Fr	Catheter cắt đốt điện sinh lý điều khiển độ cong 1 chiều - Cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực 4mm, khoảng cách điện cực 1 - 7 - 4mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	8
152	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8.5Fr, đầu điện cực 3.5mm, dùng với dịch truyền	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều - Cỡ 8Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực 3.5mm, khoảng cách điện cực 1 - 6 - 2mm - Ống dẫn $\geq 8.5\text{Fr}$ - 2 độ cong có thể điều khiển (64 - 76mm)/ (76 - 102mm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
153	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 4mm, dùng với dịch truyền	Catheter cắt đốt điện sinh lý điều khiển độ cong 2 chiều - Cỡ 8Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực 4mm, khoảng cách điện cực 1 - 4 - 1mm, tích hợp tưới nước - Độ cong $180^\circ - 230^\circ$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
154	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, tự động khóa	Catheter cắt đốt điện sinh lý điều khiển độ cong 2 chiều tự động khóa - Cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực 4 - 8mm, khoảng cách điện cực 2 - 5 - 2mm, điện cực dây 1mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	25

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
155	Catheter chẩn đoán điện sinh lý tim loại 4 điện cực, độ cong cố định, cỡ 4 - 6Fr	Catheter chẩn đoán điện sinh lý tim loại 4 điện cực, độ cong cố định - Cỡ 4/ 5/ 6Fr, dài ≥ 120cm - Điện cực dài ≥ 1mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	50
156	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực lái chuyển hướng, dài ≥ 115cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực lái chuyển hướng - Cỡ 5/ 6/ 7Fr, dài ≥ 115cm - Khoảng cách điện cực 2 - 5 - 2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	25
157	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực - Cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm - Catheter thăm dò 10 điện cực, độ cong D; F, đầu điện cực dài 2mm, khoảng cách điện cực 2 - 8 - 2mm - Cáp nối chuyển đổi 34 pin - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
158	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 chiều, cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 chiều - Cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm - Catheter thăm dò 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 hướng, độ cong D-F/ độ cong F-J, khoảng cách điện cực 2 - 8 - 2mm - Cáp nối chuyển đổi 12 pin sang 34 pin - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3
159	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh, cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh - Cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm - Catheter thăm dò 22 điện cực, 05 nhánh, khoảng cách điện cực 2 - 6 - 2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	6
160	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong 1 chiều, cỡ 6Fr, dài ≥ 92cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong 1 chiều - Cỡ 6Fr, dài ≥ 92cm - Độ cong D, khoảng cách điện cực 5mm - Cáp nối chuyển đổi 12 pin - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
161	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong cố định, cỡ 5Fr, dài ≥ 110cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong cố định - Cỡ 5Fr, dài ≥ 110cm - Catheter thăm dò điện sinh lý 4 điện cực, phần đầu uốn cong cố định, độ cong F, khoảng cách điện cực 5mm - Cáp nối chuyển đổi 12 pin - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
162	Chất tắc mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng	Chất tắc mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng - Chất liệu Ethylene-vinyl alcohol copolymer, dymethyl sulfo-oxide, bột Tantalum - Thể tích khoảng 1.5ml dymethyl sulfo-oxide và khoảng 1.5ml chất gây tắc - Nồng độ khoảng 18% - 34% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	120

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
163	Chỉ khâu không tiêu bằng expanded polytetrafluoroethylene (ePTFE), từ số 2-0 tới 5-0, dài 75cm, 2 kim dài 13 - 25mm 3/8C hoặc 1/2C	Chỉ khâu không tiêu dùng làm dây chằng nhân tạo trong phẫu thuật sửa van tim - Chỉ bằng expanded polytetrafluoroethylene (ePTFE), từ số 2-0 tới 5-0, chỉ dài tối thiểu 75cm - 2 kim tròn, nhọn bằng thép không gỉ, 3/8C hoặc 1/2C, dài 13 - 25mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	165
164	Đầu đo độ bão hòa oxy và hematocrit, nhiệt độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Đầu đo độ bão hòa oxy và hematocrit, nhiệt độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: Polycarbonate - Kích cỡ: đường kính đầu nối 1/2", 3/8", 1/4" - Tương thích máy B-Care5 máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 (máy bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	400
165	Đầu đo oxy máu não dưới mô, không xâm lấn, người lớn, trẻ em	Đầu đo oxy máu não dưới mô, không xâm lấn dành cho người lớn, trẻ em - Chất liệu: không chứa latex, có phủ lớp keo dính - Kích thước: người lớn $\geq 28\text{cm}^2$, trẻ em từ 18cm^2 đến 28cm^2 - Tương thích máy INVOS 5100C (máy bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	210
166	Đầu đo oxy máu não dưới mô, không xâm lấn, trẻ sơ sinh	Đầu đo oxy máu não dưới mô, không xâm lấn dành cho trẻ sơ sinh. - Chất liệu: không PVC không latex có lớp keo dính - Kích thước khoảng: $17 - 18\text{cm}^2$ - Tương thích máy INVOS 5100C (máy bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
167	Đầu dò siêu âm mạch vành 5Fr, 6Fr có tần số 40MHz, chiều dài $\geq 135\text{cm}$ dùng cho máy siêu âm lòng mạch	Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 40MHz - Chất liệu dây cáp bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước - Kích thước: 5Fr, 6Fr - Chiều dài $\geq 135\text{cm}$ - Tần số hoạt động 40MHz - Độ phân giải trục là $38\text{ }\mu\text{m}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	350
168	Đầu dò siêu âm mạch vành 5Fr, 6Fr có tần số 60MHz, chiều dài $\geq 135\text{cm}$ dùng cho máy siêu âm lòng mạch	Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 60MHz - Chất liệu dây cáp bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước - Kích thước: 5Fr, 6Fr - Chiều dài $\geq 135\text{cm}$ - Tần số hoạt động 60MHz - Độ phân giải trục là $22\text{ }\mu\text{m}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
169	Đầu dò siêu âm mạch vành, tần số 45MHz, đường kính bên ngoài trục tối thiểu 3.5Fr	Đầu dò siêu âm mạch vành, tần số 45MHz - Chất liệu Polycarbonate, đầu tip bằng Etylen-Vinyl axetat, lõi làm bằng thép không gỉ - Đường kính bên ngoài trục tối thiểu 3.5Fr - Chiều dài $\geq 135\text{cm}$ - Tần số hoạt động 45MHz - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	80

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
170	Đầu đốt đơn cực sử dụng sóng cao tần	Đầu đốt đơn cực sử dụng sóng cao tần kết hợp hệ thống tưới nước muối sinh lý điều trị rung nhĩ - Chất liệu tay cầm bằng nhựa, đầu đốt bằng hợp kim - Chiều dài $\geq 8\text{cm}$ cho phẫu thuật tim hở - Chiều dài $\geq 20\text{cm}$ cho phẫu thuật tim ít xâm lấn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	50
171	Đầu mũi khoan kim cương bảo mỏng xơ vữa, đường kính 1.25 - 2.5mm	Đầu mũi khoan kim cương bảo mỏng xơ vữa - Chất liệu đầu mũi khoan được phủ kim cương - Đầu mũi khoan hình elip - Đường kính 1.25 - 2.5mm, chiều dài $\geq 135\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20
172	Đầu nối Y dạng bấm và vặn	Đầu nối Y dạng bấm và vặn - Chất liệu đầu nối chữ Y bằng nhựa cứng có van khóa - Dài 3 - 10cm, lòng trong tối thiểu 9F - Kim dài 10cm - Dây truyền với khóa luer có 03 cổng, dài $\geq 25\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1.100
173	Dây bơm cân quang áp lực cao, chịu áp lực $\geq 500\text{psi}$, dài 25 - 183cm	Dây bơm cân quang áp lực cao - Chất liệu PVC, Nylon/ Polyurethane - Chiều dài 150 - 185cm - Chịu áp lực $\geq 500\text{psi}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.000
174	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể cho hạng cân 20-40kg và trên 40kg	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể dành cho người bệnh 20 - 40kg và $> 40\text{kg}$ - Chất liệu: Silicone, nhựa PVC, Polycarbonate - Gồm: bộ dây phẫu thuật và bộ dây máy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	450
175	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, hạng cân $<10\text{kg}$	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, dành cho hạng cân $< 10\text{kg}$ - Chất liệu: nhựa PVC và Silicone - Bao gồm bộ dây phẫu thuật và bộ dây máy, gói mồi (priming pack) và kết nối (connector pack) - Kèm bản vẽ thiết kế theo yêu cầu của bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	216
176	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính tối thiểu 0.014", dài 200 - 300cm	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic - Chất liệu Nitinol - Đường kính tối thiểu 0.014", dài 200 - 300cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	60
177	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính tối thiểu 0.035", dài 200 - 260cm	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic - Chất liệu Nitinol - Đường kính tối thiểu 0.035", dài 200 - 260cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
178	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính tối thiểu 0.035", dài 45 - 180cm	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic - Chất liệu Nitinol - Đường kính tối thiểu 0.035", dài 45 - 180cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
179	Dây dẫn can thiệp mạch máu não, đường kính 0.014", 0.012"	Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu: lõi đầu xa bằng Nitinol, lớp vỏ là PTFE, phủ Hydrophilic - Đường kính 0.014", 0.012", dài ≥ 200cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
180	Dây dẫn can thiệp mạch máu não, đường kính khoảng 0.014", dài 205 - 300cm	Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu thép không gỉ phủ lớp ái nước, Platinum đầu xa - Đường kính khoảng 0.014", dài 205 - 300cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25
181	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, dài 75 - 260cm	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trực: thép không gỉ, phủ PTFE - Đường kính: 0.035", 0.038" - Chiều dài từ 75cm đến 260cm - Đầu tip Straight, J-tip - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
182	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014", 0.018"	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trực: Scitanium, lớp phủ ái nước đầu xa - Đường kính: 0.014", 0.018" - Chiều dài từ 110cm đến 300cm, tối thiểu 5 cỡ - Loại đầu tip: Straight/ Angled - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
183	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014", 0.018", phủ silicon	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trực bằng thép không gỉ, phủ Silicone - Đường kính: 0.014", 0.018" - Chiều dài từ 130cm đến 300cm, tối thiểu 3 cỡ - Loại đầu tip: Straight, J-Tip - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
184	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp Hydrophilic, đường kính khoảng 0.014"	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp Hydrophilic - Chất liệu: Nitinol. - Đường kính khoảng 0.014" - Chiều dài khoảng 200cm - Có 03 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; Double Angled. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
185	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp Hydrophilic, đường kính khoảng 0.016"	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp Hydrophilic - Chất liệu: Nitinol. - Đường kính khoảng 0.016" - Chiều dài khoảng 165cm - Có 03 loại đầu tip khác nhau: Angled; Double Angled; Straight - Tương thích ống thông 2.2F; 2.7F - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
186	Dây dẫn can thiệp mạch não, đường kính 0.010, 0.014, 0.018"	Dây dẫn can thiệp mạch não - Chất liệu thép không gỉ, Nitinol - Đường kính sợi dây 0.010", 0.014", 0.018", dài 200 - 300cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	210
187	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh siêu nhỏ, đường kính khoảng 0.008"	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh siêu nhỏ - Chất liệu thép không gỉ, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.008" - Chiều dài khoảng 200cm - Đầu có quần lò xo bằng platinum dài khoảng 10cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
188	Dây dẫn can thiệp mạch vành, bằng thép không gỉ Durasteel đường kính ≥ 0.014 ", dài 190 - 300cm	Dây dẫn can thiệp mạch vành - Chất liệu nền thép không gỉ, phủ lớp Hydrophilic polymer, bề mặt đầu gần phủ microglide - Đường kính ≥ 0.014 ", dài 190 - 300cm - Loại đầu tip: thẳng hoặc J - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
189	Dây dẫn can thiệp mạch vành, đường kính khoảng 0.014"	Dây dẫn can thiệp mạch vành - Chất liệu phần lõi đầu xa làm bằng hợp kim Titanium, phủ lớp ái nước Hydrophilic, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, thép không gỉ ở đoạn gần - Đường kính khoảng 0.014", dài ≥ 180 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.200
190	Dây dẫn can thiệp ngoại biên, đường kính ≥ 0.018 "	Dây dẫn can thiệp ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ, trơn nhẵn, có phủ PTFE - Đường kính ≥ 0.018 ", dài 195 - 300cm - Loại đầu tip: vừa và cứng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
191	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành, chiều dài 150 - 260cm	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành - Chất liệu lõi bằng thép không gỉ, phủ PTFE - Đường kính tối thiểu 0.035" - Chiều dài từ 150cm đến 260cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.200
192	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành, có lớp heparin, dài 80 - 260cm	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành - Chất liệu lõi bằng thép không gỉ, phủ PTFE, lớp Heparin - Đường kính từ 0.018" đến 0.038", tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài từ 80cm đến 260cm, tối thiểu 3 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.500
193	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa. - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính tối thiểu 0.014", dài ≥ 330 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	90

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
194	Dây dẫn đo áp lực dòng chảy động mạch vành, dây dẫn $\geq 175\text{cm}$	Dây dẫn đo áp lực dòng chảy động mạch vành - Chiều dài dây dẫn $\geq 175\text{cm}$ - Áp lực -30 đến 300mmHg - Độ sai lệch: $< 7\text{mmHg/h}$ - Tần số $\leq 25\text{Hz}$ - Phạm vi truyền dẫn $\geq 2\text{m}$ - Dải tần: 2.4000 - 2.4835GHz - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	50
195	Dây dẫn đo áp lực trừ lượng mạch vành có sensor cảm ứng	Dây dẫn đo áp lực trừ lượng mạch vành có sensor cảm ứng - Chất liệu đầu tip dây dẫn làm bằng Platinum và Tungsten, lõi khoá làm bằng thép không gỉ, phủ ái nước và lớp PTFE - Đường kính $\geq 0.014"$ - Chiều dài 185 - 300cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	30
196	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh, dài 260cm, 300cm	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh - Chất liệu thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài - Đầu tip dạng J, cỡ 1.5mm, 6mm, 7.5mm - Đường kính trong 0.035" - Chiều dài 260cm và 300cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	80
197	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước, dài $\geq 150\text{cm}$	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol - Đường kính từ 0.025" đến 0.038" - Chiều dài $\geq 150\text{cm}$ - Dạng đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.200
198	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước, dài $\geq 260\text{cm}$	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol - Đường kính tối thiểu 0.035", dài $\geq 260\text{cm}$ - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	90
199	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước, dài 80 - 260cm	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol - Đường kính từ 0.018" đến 0.038", tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài từ 80cm đến 260cm, tối thiểu 4 cỡ - Có 2 dạng đầu cong và thẳng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.300
200	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc đơn cực	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc đơn cực, đặt vào cơ tim nhĩ hoặc thất phải - Chất liệu điện cực phủ Platinum - Kích thước: cỡ 4.5Fr, chiều dài 35 - 50cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
201	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực, đặt vào cơ tim nhĩ hoặc thất phải - Chất liệu làm bằng Platinum/Iridium, dẫn làm bằng MP35N - Kích thước: từ 7Fr đến 8Fr, chiều dài $\geq 35\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
202	Dây dẫn siêu cứng dùng trong can thiệp tim bẩm sinh, dài ≥ 260 cm	Dây dẫn siêu cứng dùng trong can thiệp tim bẩm sinh - Chất liệu thép không gỉ, có phủ PTFE - Đầu J 3mm, đường kính 0.035" dài ≥ 260 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	70
203	Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim	Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	7
204	Dây nối áp lực ≤ 8 bar	Dây nối áp lực - Chất liệu Polyethylene, không chứa DEHP - Đường kính trong khoảng 1mm, đường kính ngoài khoảng 2mm, dài khoảng 125 - 150cm - Áp lực ≤ 8 bar - Tương thích với đầu nối của các loại catheter cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.200
205	Dây nối với máy bơm hút huyết khối, dài 200 - 300cm	Dây nối với máy bơm hút huyết khối - Chất liệu vỏ bằng nhựa mềm - Chiều dài 200 - 300cm, lòng trong khoảng 8 - 9Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
206	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực dây điện cực dài ≤ 110 cm	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực loại $\leq 5F$ - Chất liệu thép không gỉ, thân dây bằng Polyurethane - Dây điện cực dài ≤ 110 cm, khoảng cách điện cực ≤ 10 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
207	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực, dây điện cực dài ≥ 110 cm	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực loại 5F - Chất liệu thép không gỉ - Dây điện cực dài ≥ 110 cm - Đầu điện cực 5mm. Khoảng cách giữa 2 điện cực khoảng 10mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
208	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác	Dù bảo vệ mạch sử dụng trong can thiệp động mạch vành, động mạch vành và động mạch ngoại biên. - Chất liệu lưới lọc: Nitinol - Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi. - Đường kính lưới lọc (filter) từ 3mm đến 7mm, độ dài dây dẫn 190cm / 320cm. - Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
209	Dù đóng đa năng dạng lưới	Dù đóng đa năng dạng lưới - Dù bằng thép Nitinol phủ titanium, có màng PTFE - Hai cánh dù có đường kính 10 - 18mm, một phần đáy 5 - 14mm, đường kính đầu thân 3 - 12mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25
210	Dù đóng lỗ bầu dục bằng Nitinol phủ titanium	Dù đóng lỗ bầu dục - Dù bằng nitinol phủ titanium - Cỡ 18, 25, 30, 35mm - Cáp thả dù tạo góc nghiêng 50° - Cáp nối tạo góc nghiêng 50° - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
211	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới - Kích cỡ: 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14mm; 3/4, 3/6, 4/4, 4/6, 5/4, 5/6, 6/4, 6/6mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25
212	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nén nhỏ	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nén nhỏ - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới và polymer - Kích cỡ khoảng 4 - 40mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
213	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ, đường kính 4 - 40mm	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ - Dù được phủ Titanium - Đường kính khoảng 4 - 40mm - Cáp thả dù tạo góc nghiêng 50° - Cáp nối tạo góc nghiêng 50° - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
214	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ, đường kính 4 - 44mm	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ - Dù bằng sợi Nitinol phủ Platin - Chiều rộng eo kết nối từ 3mm đến 4mm - Đường kính nhiều cỡ 4 - 44mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
215	Dù đóng lỗ thông liên thất	Dù đóng lỗ thông liên thất - Dù bằng Nitinol phủ titanium - Kích thước từ 4mm đến 12mm - Cáp thả dù tạo góc nghiêng 50° - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
216	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới và polymer - Kích cỡ khoảng 4 - 18mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
217	Dù đóng lỗ thông ống động mạch được chỉ định trên cả trẻ sơ sinh	Dù đóng lỗ thông ống động mạch được chỉ định trên cả trẻ sơ sinh - Dù bằng Nitinol - Kích thước: 3/2, 3/4, 3/6, 4/2, 4/4, 4/6, 5/2, 5/4, 5/6mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
218	Dù đóng ống động mạch	Dù đóng ống động mạch - Chất liệu bằng Nitinol phủ titanium, có lớp PET đặt bên trong dù - Kích thước: 5 - 18mm, dài 4.25 - 16mm - Thân dù có dạng hình nón - Kèm cáp thả dù - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
219	Dù đóng thông dò động mạch, tĩnh mạch	Dù đóng thông dò động mạch, tĩnh mạch - Chất liệu Nitinol - Kích thước từ 3mm đến 22mm, tối thiểu 10 cỡ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
220	Dù đóng thông động tĩnh mạch dạng lưới, hình trụ	Dù đóng thông động tĩnh mạch dạng lưới, hình trụ - Chất liệu hợp kim Nitinol - Kích thước từ 4mm đến 16mm, 6 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
221	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Chất liệu Nitinol, Platinum - Kích thước: 6 - 10mm, 9 - 15mm, 12 - 20mm, 18 - 30mm, 27 - 45mm - Chiều dài catheter $\geq 100\text{cm}$ - Chiều dài của dụng cụ bắt dị vật $\geq 120\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
222	Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ	Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ - Chất liệu Nitinol và Platinum - Kích thước: 2 - 4mm, 4 - 8mm - Chiều dài catheter $\geq 150\text{cm}$ - Chiều dài của dụng cụ bắt dị vật $\geq 175\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
223	Dụng cụ bắt dị vật trong tim, mạch máu	Dụng cụ bắt dị vật trong tim, mạch máu - Chất liệu platinum - Đường kính thông lòng 5mm, 10mm, 15mm, 20mm và 30mm - Chiều dài $\geq 125\text{cm}$ - Kích cỡ dụng cụ mở đường 4Fr - 6Fr - Vòng thông lòng xoay 360° - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
224	Dụng cụ cắt điện dùng cho dụng cụ chuyển dòng túi phình mạch máu não dạng cầu	Dụng cụ cắt điện dùng cho dụng cụ chuyển dòng túi phình mạch máu não dạng cầu - Chất liệu nhựa - Dạng tay cầm được tích hợp điện sẵn - Tương thích với stent cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
225	Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý tim, uống cong khoảng 270°, cỡ 7Fr	Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý - Chất liệu: đầu Platinum/Iridium - Cỡ 7Fr, dài $\geq 110\text{cm}$ - Đầu đốt loại 4mm, khoảng cách điện cực là 2 - 5 - 2mm - Kích thước nhả khoảng 1.5 - 2mm - Có thể uống cong khoảng 270° - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20
226	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng bộ điều khiển	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng bộ điều khiển dùng nhận biết và chỉ ra điểm tách coil - Kim luồn cỡ 20G - 22G - Tương thích với coil cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
227	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ chế nhiệt	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ chế nhiệt - Chất liệu nhựa - Tương thích với coil cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
228	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học, dài 12 - 18cm	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học - Chất liệu vỏ bằng nhựa dẻo - Dài 12 - 18cm - Dạng hình trụ - Tương thích với coil cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
229	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học, dài 19 - 21cm	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học - Chất liệu vỏ bằng nhựa dẻo - Dài 19 - 21cm - Dạng hình trụ - Tương thích với coil cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
230	Dụng cụ chốt cố định nút thắt chỉ dùng trong phẫu thuật van tim	Dụng cụ chốt cố định nút thắt chỉ dùng trong phẫu thuật van tim - Chốt có dạng nắm làm từ chất liệu titan, dây mối chỉ bằng kim loại mềm, khung giữ chỉ mối bằng nhựa - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	864
231	Dụng cụ cố định mạch vành, khớp nối bằng Polycarbonate	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu đầu cố định/ thanh định hình bằng thép không gỉ, khớp nối bằng Polycarbonate, dây hút chân không bằng PVC - Giác hút mềm, dễ uốn, khớp xoay 360° linh động, có thể gắn với tất cả các loại banh xương ực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
232	Dụng cụ cố định mạch vành, khớp xoay bằng thép không gỉ	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu: PVC, khớp xoay bằng thép không gỉ, giác hút bằng Silicon - Giác hút khoảng 30mm - Có đặc tính tự bung 3.5mm, giác hút có thể uốn cong, để xoay được 360°, khóa kiểm soát. Bộ cố định có kèm dây hút chân không với bình chứa 150 ml có lọc bên trong - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
233	Dụng cụ đóng lỗ bầu dục bằng nitinol dạng lưới	Dụng cụ đóng lỗ bầu dục - Chất liệu nitinol hình dạng lưới - Kích thước: 18, 25, 35mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
234	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ - Chất liệu monofilament polypropylene - Đóng được sheath ≤ 8F - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	420
235	Dụng cụ đóng tiểu nhĩ	Dụng cụ đóng tiểu nhĩ - Chất liệu Nitinol - Kích thước 16 - 30mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
236	Dụng cụ hỗ trợ nối mạch máu trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	Dụng cụ hỗ trợ nối mạch máu trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành - Chất liệu: + Kim bằng thép không gỉ + Tay cầm bằng nhựa - Kích thước: + Kim 14G + Khoan động mạch chủ từ 3.5mm đến 4.0mm - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
237	Dụng cụ kết nối với máy bảo màng xơ vữa và đưa dây dẫn có mũi khoan bảo màng xơ vữa cho tổn thương tắc mãn tính với hóa	Dụng cụ kết nối với máy bảo màng xơ vữa và đưa dây dẫn có mũi khoan bảo màng xơ vữa cho tổn thương tắc mãn tính với hóa 1. Chất liệu dụng cụ bằng nhựa 2. Mũi khoan - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
238	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại nhỏ để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật van tim ít xâm lấn	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại nhỏ để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật van tim ít xâm lấn - Chất liệu thân thép không gỉ - tay cầm nhựa - Kích thước: đường kính thân 4mm, chiều dài thân ≥ 17 cm - Gồm 2 dụng cụ thắt - cắt chỉ kèm ≥ 12 chốt cố định nút thắt chỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
239	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại nhỏ để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật van tim nội soi	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại nhỏ để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật van tim nội soi - Chất liệu thân thép không gỉ - tay cầm nhựa - Kích thước: đường kính thân khoảng 5mm, chiều dài thân ≥ 30 cm - Gồm 2 dụng cụ thắt - cắt chỉ kèm ít nhất 12 chốt cố định nút thắt chỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	12
240	Dụng cụ thổi CO2 trong mổ mạch vành	Dụng cụ thổi khí CO2 trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành - Chất liệu PVC hoặc Silicon, thân ống bằng thép không gỉ - Chiều dài tay cầm ≥ 15 cm, ống kim loại ≥ 15 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	45
241	Dung dịch bôi trơn trong can thiệp bảo màng xơ vữa	Dung dịch bôi trơn giúp giảm ma sát giữa dây dẫn và hệ thống bảo màng xơ vữa - Thành phần: dầu ô liu, phospholipids, lòng đỏ trứng, sodium deoxycholate, L-histidine, disodium EDTA, sodium hydroxide, nước - Thể tích ≥ 20 ml - Tương thích với dây dẫn và hệ thống nối đưa dây dẫn bảo màng xơ vữa - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	60
242	Dung dịch dùng bảo quản mô, tạng, giác mạc... và có tác dụng liệt tim	Dung dịch dùng bảo quản mô, tạng, giác mạc... và có tác dụng liệt tim - Thành phần khoảng 0.88g sodium chloride (15.0mmol), 0.67g potassium chloride (9.0mmol), 0.81g magnesium chloride x 6 H2O (4.0mmol), 28g histidine (180.0mmol), 4g histidine hydrochloride monohydrate (18.0mmol), 0.45g tryptophane (2.0mmol), 5g mannitol (30.0mmol), 0.002g calcium chloride x 2 H2O (0.015mmol), 0.18g potassium hydrogen 2-ketoglutarate (1.0mmol), potassium hydroxide, nước - Thể tích khoảng 1000ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Túi	1.250

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
243	Hệ thống nối đưa dây dẫn bào mỏng xơ vữa và có đầu khoan, đường kính 1.25 - 2.0mm	Hệ thống nối đưa dây dẫn bào mỏng xơ vữa có đầu khoan - Đường kính từ 1.25mm đến 2.0mm, tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài $\geq 135\text{cm}$ - Có mũi khoan bằng kim cương - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	70
244	Keo nút mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng	Keo nút mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng - Thành Phần: Co - polymer và iodine, cản quang, không bị phân hủy trong Dimethyl sulfoxide (DMSO) - Thể tích 1ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
245	Kim chọc vách liên nhĩ, tương thích nòng kim dẫn đường 8 - 8.5Fr	Kim chọc vách liên nhĩ - Chất liệu thép không gỉ - Góc vát đầu kim $30^\circ - 50^\circ$ - Dài 71 - 98cm - Tương thích với nòng kim dẫn đường 8 - 8.5Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
246	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn, bằng Nitinol	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn ngăn ngừa thuyên tắc phổi tái phát - Lưới lọc làm bằng Nitinol - Đường kính lọc tự mở $\geq 32\text{mm}$ - Cỡ sheath 5Fr, độ dài sheath 70 - 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	35
247	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn, bằng thép không gỉ	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn - Chất liệu thép không gỉ và tương thích với môi trường MRI - Chiều dài lưới lọc khoảng 54 - 60mm - Dạng hình nón - Tương thích với sheath 7Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
248	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại tạm thời dùng lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại tạm thời dùng lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới - Chất liệu hợp kim Cobalt Chrom - Đường kính 40mm - Chiều cao 52 - 54mm - Dây dẫn đường chữ "J" đường kính khoảng 0.035" dài $\geq 150\text{cm}$ phủ lớp PTFE - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
249	Mạch máu nhân tạo 3 - 4 nhánh, kết hợp stent graft tái tạo cung động mạch chủ	Mạch máu nhân tạo 3 - 4 nhánh kết hợp stent graft dùng trong phẫu thuật phình hoặc bóc tách động mạch chủ ngực - Khung (stent) bằng Nitinol, màng (graft) bằng polyester, đường kính từ 28mm đến 40mm, chiều dài từ 100mm đến 150mm - Mạch máu làm từ polyester tẩm gelatin, đường kính từ 26mm đến 32mm, chiều dài $\geq 240\text{mm}$. Các nhánh mạch máu phụ đường kính từ 8mm đến 12mm, chiều dài nhánh phụ $\geq 150\text{mm}$ - Phần giữa phần mạch máu và stent graft có vòng định vị - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	7

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
250	Mạch máu nhân tạo 3 - 4 nhánh, tấm Gelatin	Mạch máu nhân tạo, 3 - 4 nhánh dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu sợi Polyester ngâm tấm gelatin - Nhánh chính: đường kính từ 20mm đến 34mm, dài ≥ 40 cm - Nhánh phụ: ba nhánh có đường kính khoảng tối thiểu 8mm và một nhánh có đường kính tối thiểu 10mm, dài ≥ 15 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	4
251	Mạch máu nhân tạo chữ Y bằng polyester, tấm Gelatin, dài ≥ 40 cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu polyester loại dệt kim, tấm Gelatin - Đường kính 12 x 6mm, 12 x 7mm, 14 x 7mm, 14 x 8mm, 16 x 8mm, 16 x 9mm, 18 x 9mm, 18 x 10mm, 20 x 10mm, 20 x 11mm, 22 x 11mm, 24 x 12mm; chiều dài ≥ 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
252	Mạch máu nhân tạo chữ Y bằng polyester, tấm Gelatin, dài ≥ 45 cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y dùng trong phẫu thuật tim mạch - Cấu tạo: bằng Polyester, tấm Gelatin - Kích thước: 14 x 7mm, 16 x 8mm, 18 x 9mm, 20 x 10mm, dài ≥ 45 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
253	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van, dài 100 - 110mm	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van dùng trong phẫu thuật tim - Mạch máu làm từ màng ngoài tim bò, và có dạng xếp nếp. Van gắn trong đoạn mạch, các lá van được làm từ van tim của heo - Kích thước: đường kính 11 - 21mm, chiều dài 100 - 110mm - Đặc điểm: loe 2 đầu trên dưới - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
254	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van, dài 120 - 130mm	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van dùng trong phẫu thuật tim - Chất liệu: mạch máu làm từ màng ngoài tim bò, dạng xếp nếp, các lá van được làm từ van tim của heo. - Đường kính: 15 - 25mm, chiều dài 120 - 130mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
255	Mạch máu nhân tạo có ngâm tấm gelatin cho phình gốc động mạch chủ	Mạch máu nhân tạo cho phẫu thuật thay động gốc động mạch chủ và động mạch chủ lên kèm bảo tồn hoặc thay van động mạch chủ - Mạch máu bằng Polyester ngâm tấm gelatin - Gồm 3 phần: phần gốc, phần phình tạo xoang, phần thân mạch máu - Đường kính phần gốc và thân từ 24mm đến 34mm. Chiều dài thân ≥ 15 cm, chiều dài gốc ≥ 10 mm - Đường kính đoạn phình từ 32mm đến 44mm, chiều dài đoạn phình từ 24mm đến 34mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
256	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng polyester tấm collagen, đường kính 16 - 20mm, dài ≥ 30 cm	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Polyester được ngâm tấm collagen - Đường kính 16 - 20mm, dài ≥ 30 cm - Độ thấm nước ≤ 5 mL/min/cm ² - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
257	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polyester tấm Gelatin, đường kính 26 - 36mm, dài ≥ 30 cm	Mạch máu nhân tạo dạng thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Polyester, được tấm Gelatin - Đường kính 26 - 36mm, dài ≥ 30 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
258	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polyester tẩm Gelatin, đường kính 8 - 32mm, dài 20 - 30cm	Mạch máu nhân tạo dạng thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Polyester, tẩm Gelatin - Đường kính từ 8mm đến 32mm - Chiều dài 20 - 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
259	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polytetrafluoroethylene, đường kính 5mm, dài khoảng 50cm có vòng xoắn toàn phần	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu Polytetrafluoroethylene (ePTFE), có vòng xoắn ngoài toàn phần - Đường kính 5mm, chiều dài khoảng 50cm - Sức chịu kéo vết khâu tối thiểu 8.5 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
260	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polytetrafluoroethylene, đường kính 6 - 8mm, dài khoảng 50cm, có vòng xoắn toàn phần	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu Polytetrafluoroethylene dạng bột (ePTFE), vòng xoắn ngoài bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Đường kính từ 6 - 8mm, chiều dài khoảng 50cm - Sức chịu kéo chỉ khâu tối thiểu 300grams - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	7
261	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polytetrafluoroethylene, đường kính 6 - 8mm, dài khoảng 80cm, có vòng xoắn toàn phần	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu Polytetrafluoroethylene dạng bột (ePTFE), vòng xoắn ngoài bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Đường kính 6 - 8mm, chiều dài khoảng 80cm, thành dày khoảng 0.62 - 0.63mm - Sức chịu kéo chỉ khâu tối thiểu 300grams - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
262	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 18 - 22g	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc - Pin máy hoạt động ≥ 15 năm, tần số tạo nhịp cơ bản lên tới 200 lần/phút, trọng lượng 18 - 22g, dây 6 - 8mm - Một dây dẫn tạo nhịp lưỡng cực dài ≥ 35 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
263	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 20 - 21g	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 3 Tesla - Điều chỉnh không dây, tự động phát hiện từ trường MRI, có thể hoạt động 14 ngày sau khi lập trình - Trọng lượng 20 - 21g, dây 6 - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3
264	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 20 - 22g	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Vật liệu tiếp xúc mô: Titanium, polyurethane, silicone - Trọng lượng 20 - 22g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3
265	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 20 - 25g	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo thông khí phút và gia tốc, chụp được MRI 1.5T và 3T - Trọng lượng khoảng 20 - 25g - Chức năng tự động kiểm tra các thông số hệ thống. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
266	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 21 - 22g	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T. - Chất liệu: Titanium, polyurethane, silicone - Thể tích máy $\leq 9.7\text{cc}$, trọng lượng 21 - 22g - Giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Biểu đồ điện trở của dây dẫn. - Quản lý tạo nhịp thất - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 10.4 năm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
267	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động trọng lượng 31 đến 32g kèm dây điện cực tạo nhịp bó His hoặc bó trái kích thước $\leq 4.1\text{F}$	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích: 13 - 14cm ³ , trọng lượng: 31 - 32g - Tuổi thọ pin trung bình lên đến > 14 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Kèm dây điện cực HIS/ bó trái $\leq 4.1\text{F}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
268	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 18 - 20g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T - Vỏ máy: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng khoảng 18 - 20g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	12
269	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 20 - 25g	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T. - Chất liệu: Titanium, polyurethane, silicone - Thể tích máy $\leq 9.7\text{cc}$, trọng lượng 20 - 25g - Giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Biểu đồ điện trở của dây dẫn. - Quản lý tạo nhịp thất - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 10.4 năm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
270	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 22 - 24g, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Vật liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone rubber - Thể tích máy 12 - 13cm ³ , trọng lượng 22 - 24g - Tuổi thọ pin trung bình lên đến > 12 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	15
271	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 22 - 24g, cho phép chụp MRI toàn thân 3T	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Điều chỉnh không dây, tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động 14 ngày sau khi lập trình - Trọng lượng 22 - 24g, dây 6 - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	22

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
272	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 27 - 28g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, polyurethane, silicone - Thể tích máy ≤ 12.1cc, trọng lượng 27 - 28gr - Có tính năng giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
273	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng từ 19 - 20g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn - Chất liệu: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Bao gồm máy, điện cực và phụ kiện chuẩn - Trọng lượng từ 19 - 20g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	12
274	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng từ 23 - 24g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 Tesla - Có thể ghi lại 4 cơn điện tim ECG tối đa 10s mỗi cơn, và 75% tiền sử cơn ở cả 2 kênh - Có chương trình giảm tạo nhịp thất IRS+, giảm suy tim, nhịp cơ bản lên đến 200bpm - Trọng lượng 23 - 24g, dây 6 - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	45
275	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc, trọng lượng 20 - 25g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc - Pin máy hoạt động ≥ 10 năm, tần số tạo nhịp cơ bản lên tới 200 lần/phút, trọng lượng 20 - 25g, dây 6 - 8mm - Hai dây dẫn tạo nhịp lưỡng cực dài ≥ 35cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
276	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 25 - 27g	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, thất trái 4 cực, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 T - Vỏ máy: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Tính năng tạo nhịp kiểm chế rung nhĩ - Lưu điện tâm đồ trong tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 25 - 27g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1
277	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng từ 26 - 27g	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, dây điện cực thất trái 4 cực, tạo nhịp đa điểm, cho phép chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla - Vỏ máy: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Tạo nhịp đa điểm phát đa xung trên thất trái mỗi chu kỳ tim - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Tính năng tạo nhịp kiểm chế rung nhĩ - Lưu điện tâm đồ trong tim lên đến 14 phút - Trọng lượng từ 26g đến 27g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
278	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng từ 29 - 31g	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Điện cực thất trái 2 cực/ 4 cực chuẩn IS-1/ IS-4 - Cho phép truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth - Tính năng theo dõi dịch trong phổi - Tự động đảm bảo phương pháp tái đồng bộ tim - Trọng lượng 29 - 31g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1
279	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng từ 31- 32g	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Điện cực thất trái 4 cực chuẩn IS-4 - Truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth - Tự động đảm bảo phương pháp tái đồng bộ tim - Trọng lượng từ 31g đến 32g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1
280	Máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động trong lượng 31 - 32g	Máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng nhịp, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Thể tích máy $\leq 13.1\text{cc}$, trọng lượng 31 - 32g - Có tính năng giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
281	Máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 66 - 68g	Máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 Tesla - Chất liệu: Titanium, Epoxy, Silicone - Tương thích dây điện cực sốc chuẩn DF4. - Năng lượng phát sốc 36J - Chức năng giúp giảm sốc nhầm - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Trọng lượng từ 66g đến 68g - Bao gồm: máy, dây dẫn và kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
282	Máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 74 - 75g	Máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Năng lượng sốc 40J - Thời gian hoạt động > 15 năm - Trọng lượng 74 - 75g, dây 10mm, hình dạng cong sinh lý - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	7
283	Máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 76 - 77 g	Máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Vật liệu tiếp xúc mô: Titanium, Polyurethane, Silicone - Có tính năng giảm tối đa áp lực lên ngực người bệnh - Có tính năng: cung cấp dữ liệu về hoạt động của tim lên đến 14 tháng - Thể tích: 32 - 33cm ³ , trọng lượng: 76 - 77g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	7

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
284	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 26 - 28g	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Vật liệu tiếp xúc mô: Titanium, Polyurethane, Silicone rubber - Có chức năng gợi ý các thông số - Thể tích: 11 - 13cm ³ , trọng lượng: 26 - 28g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	15
285	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 67 - 68g	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép Chụp MRI toàn thân 1.5 Tesla - Chất liệu: Titanium, Epoxy, Silicone - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh - Năng lượng phát sốc 36J - Trọng lượng 67 - 68g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
286	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 76 - 77g	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Năng lượng sốc 40J - Có chương trình tránh shock lầm - Thời gian hoạt động > 12 năm - Trọng lượng 76 - 77g, dày 10mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
287	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 77 - 78g	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Vật liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone rubber - Tính năng giảm tối đa áp lực lên ngực người bệnh - Cung cấp dữ liệu về hoạt động của tim lên đến 14 tháng - Thể tích khoảng 34cm ³ , trọng lượng 77 - 78g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2
288	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 79 - 81g	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Vật liệu tiếp xúc mô: Titanium, Polyurethane, Silicone rubber, Titanium dioxide - Tính năng theo dõi dịch trong phổi - Có chức năng gợi ý các thông số - Có tính năng ngăn chặn shock lầm - Thể tích khoảng 35cm ³ , trọng lượng 79 - 81g - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1
289	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 80 - 81g	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng dây điện cực thất 4 cực, tạo nhịp đa điểm, cho phép chụp MRI 1.5 Tesla - Chất Liệu: Titanium, Epoxy, Silicone - Chức năng giúp giảm sốc nhaim. Chức năng giúp giảm nhận cảm nhaim sóng T - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Báo động người bệnh bằng rung - Năng lượng phát sốc 40J - Trọng lượng 80 - 81g - Bao gồm máy, dây dẫn, kim chọc - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
290	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 82 - 83g	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối wireless - Năng lượng phát sốc 40J - Trọng lượng 82 - 83g, dây khoảng 10mm, hình dạng cong - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1
291	Miếng chống dính trong phẫu thuật tim	Miếng chống dính trong phẫu thuật tim, tự tiêu - Thành phần: polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 - Kích cỡ: 100 x 130 x 0.02mm ($\pm 0.5\%$) - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	25
292	Miếng dán kiểm soát mức dịch dưng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, hình chữ nhật	Miếng dán kiểm soát mức dịch dưng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: nhựa phủ lớp keo dính - Hình chữ nhật - Tương thích máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 (Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	600
293	Miếng đệm khâu phẫu thuật khoảng 152 x 25 x 1.65mm	Miếng đệm khâu phẫu thuật bảo vệ các mô khỏi bị vỡ hoặc ma sát bởi chỉ khâu - Chất liệu Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Kích thước 152 x 25 x 1.65mm ($\pm 0.5\%$) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	340
294	Miếng gạc cầm máu kích thước 0.8 x 1.5" tấm Kaolin dưng trong can thiệp qua da đường quay	Miếng gạc cầm máu ái nước có gạc dưng trong can thiệp qua da đường quay hoặc đường đùi - Chất liệu ái nước - Kích thước 0.8 x 1.5" (2.03cm x 3.81cm) - Thời gian trung bình là 5 phút ($p < 0.001$) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	200
295	Miếng vá tim bằng màng ngoài tim bò, cỡ 10 x 15cm ($\pm 0.5\%$)	Miếng vá tim nhân tạo sinh học dưng vá tim và tạo hình mạch máu - Chất liệu bằng màng ngoài tim bò - Kích cỡ 10 x 15cm ($\pm 0.5\%$), dày 0.5mm $\pm$ 0.25mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	15
296	Miếng vá tim bằng màng ngoài tim bò, cỡ 4 x 4cm ($\pm 0.5\%$)	Miếng vá tim nhân tạo sinh học dưng tạo hình mạch máu - Chất liệu màng ngoài tim bò - Kích thước: 4 x 4cm ($\pm 0.5\%$), dày 0.55mm $\pm$ 0.2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	10
297	Miếng vá tim bằng màng ngoài tim bò, cỡ 4 x 6cm ($\pm 0.5\%$)	Miếng vá tim nhân tạo sinh học dưng tạo hình mạch máu - Chất liệu màng ngoài tim bò - Kích thước: 4 x 6cm ($\pm 0.5\%$), dày 0.55mm $\pm$ 0.2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	15
298	Ống bơm dưng trong can thiệp mạch máu não hỗ trợ cắt vòng xoắn kim loại theo cơ chế áp lực nước	Ống bơm dưng trong can thiệp mạch máu não hỗ trợ cắt vòng xoắn kim loại theo cơ chế áp lực nước - Tương thích vòng xoắn cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
299	Ống hút mềm trực tiếp trong tim, cỡ 10 - 20Fr	Ống hút mềm trực tiếp trong tim - Chất liệu PVC hoặc Silicon mềm - Đầu ống hút có 8 - 25 lỗ, đầu hút dạng thẳng và đầu vuông góc - Kích thước từ 10Fr đến 20Fr, chiều dài tối thiểu 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	60
300	Ống hút mềm trực tiếp trong tim, cỡ 12 - 20Fr, 30 - 40cm	Ống hút mềm trực tiếp trong tim - Chất liệu chất liệu PVC và silicon - Đầu ống hút có nhiều lỗ, đầu tít kim loại giảm tổn thương mô - Kích cỡ từ 12Fr đến 20Fr, chiều dài ống hút 30 - 40cm, co nối dây hút 1/4" (0.64cm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	70
301	Ống thông can thiệp mạch vành và tim bẩm sinh, kích cỡ 5 - 8Fr	Ống thông can thiệp mạch vành và tim bẩm sinh - Chất liệu trục ống thông bằng chất liệu PTFE (polytetrafluoroethylene), lớp thép không gỉ bên xung quanh trục - Bề mặt ngoài của ống thông làm bằng nylon Pebax cản quang - Kích thước 5 - 8Fr. Đường kính trong 0.057", 0.070", 0.078"; 0.088" - Có các dạng: JR, JL, SBS, MP, IM, AL, AR, LCB, RCB, EG, HS, UTL1, UTL2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
302	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 5 - 7Fr	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu Polytetrafluoroethylene - PTFE bên trong trục, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ - Có các dạng BL, AL, JL, JR... - Lòng rộng 0.059" - 0.081" - Kích cỡ khoảng 5 - 7Fr. Chiều dài $\geq$ 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
303	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 5 - 8Fr	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết bằng polymer - Vest Tech nylon - Lòng ống rộng khoảng 0.071" - 0.081" - Có các dạng cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL,... - Kích cỡ khoảng 5 - 8Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.400
304	Ống thông can thiệp mạch vành, dài $\geq$ 100cm	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu mặt ngoài phủ lớp silicon, phần ống trong được phủ lớp fluoropolymer, đường viền làm bằng thép không gỉ, lòng trong ống rộng, được phủ lớp PTFE - Lòng trong ống rộng: 0.071", 0.081", 0.09" - Có các dạng: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP - Chiều dài khả dụng $\geq$ 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
305	Ống thông chẩn đoán dạng đuôi heo, các cỡ	Ống thông chẩn đoán dạng đuôi heo - Chất liệu Nylon pebax cản quang - Kích cỡ khoảng 4Fr, 5Fr - Dài 65 - 100cm - Chịu áp lực dòng chảy 1.167 - 1.196 psi - Đường kính vòng đuôi heo $\leq$ 1mm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
306	Ống thông chẩn đoán mạch máu não, tạng, vành và ngoại biên	Ống thông chẩn đoán mạch máu não, tạng, vành và ngoại biên, cỡ 4F, 5F, chiều dài 65 - 125cm - Bằng các sợi thép không gỉ - Kích thước: 4F, 5F - Chiều dài từ 65cm đến 125cm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
307	Ống thông chẩn đoán tim đa năng, có cấu trúc lưới kép, các cỡ	Ống thông chẩn đoán tim đa năng, có cấu trúc lưới kép - Chất liệu bằng thép không gỉ, có lớp nylon/polyurethane - Đường kính 4Fr/ 5Fr - Tương thích dây dẫn 0.038" - Giới hạn áp lực 750 psi, 1000 psi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
308	Ống thông chẩn đoán tim mạch, dạng JL, JR, AL, AR, Pigtail, các cỡ	Ống thông chẩn đoán tim mạch - Chất liệu bằng nylon pebax, đường viền bằng thép không gỉ, có cân quang - Kích cỡ 4 - 6Fr, dài 100cm/125cm, đường kính trong 0.042"/1.07mm, 0.046"/1.17mm, 0.054"/1.37mm - Có các loại JL, JR, AL, AR, Pigtail - Tương thích với dây dẫn 0.035"/0.038" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
309	Ống thông chẩn đoán tim, các cỡ	Ống thông chẩn đoán tim - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính 4 - 5Fr, lòng rộng 1.03 - 1.20mm - Có cấu trúc lưới kép dạng đuôi heo - Giới hạn áp lực 750psi, 1000psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
310	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tủy và ngoại biên, dạng đan bện	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tủy và ngoại biên - Chất liệu Polymer - Đường kính trong 0.035" - 0.038" - Đường kính ngoài 4Fr, 5Fr, dài 70 - 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.000
311	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu tạng, dài 70 - 100cm	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu tạng - Chất liệu polymer được phủ lớp ái nước hydrophilic. Lớp ngoài Polyurethane. Lớp trong nylon - Đường kính 5Fr, chiều dài 70 - 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
312	Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép, các cỡ	Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép. - Chất liệu bằng thép không gỉ, có lớp nylon/polyurethane - Đường kính 4Fr - 5Fr, lòng rộng 1.03 - 1.20mm - Dạng JR, JL - Giới hạn áp lực 750psi, 1000psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	500

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
313	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải - Chất liệu Polyamide - Đường kính 5Fr - Chiều dài 100 - 120cm - Tương thích dây dẫn 0.038" - Giới hạn áp lực tối thiểu 1200psi - Lưu lượng dòng chảy tối đa khoảng 23ml/ giây - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.000
314	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não dạng sheath, đường kính trong ≥ 0.090 "	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não dạng sheath. - Chất liệu Polymer, phủ lớp ái nước, bên trong lòng ống phủ lớp PTFE - Đường kính trong ≥ 0.090" - Đường kính ngoài 5 - 7Fr - Dài 80 - 90cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
315	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não tiếp cận đầu xa, đường kính ≥ 0.071 ", dài 95 - 105cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não tiếp cận đầu xa - Chất liệu Polymer, phủ lớp ái nước - Đường kính ≥ 0.071", dài 95 - 105cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
316	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não, đường kính 0.070" - 0.078", dài 90 - 100cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não - Chất liệu Polymer, phủ lớp ái nước PTFE - Đường kính trong từ 6F đến 7Fr - Đường kính ngoài từ 0.070" đến 0.078" - Chiều dài từ 90cm đến 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
317	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não, đường kính trong khoảng 0.070", dài 90 - 100cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não - Chất liệu Polymer, phủ lớp ái nước PTFE - Đường kính trong khoảng 6Fr - Đường kính trong khoảng 0.070" - Chiều dài từ 90cm đến 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
318	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên tắc mãn tính, dài 65 - 150cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên tắc mãn tính - Chất liệu Nylon, lớp phủ ái nước - Đường kính 0.014", 0.018", 0.035" - Chiều dài từ 65cm đến 150cm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	55
319	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên, 65 - 150cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Polymer - Chiều dài 65 - 150cm - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
320	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên, dài 45 - 90cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu thân bằng PTFE, bên ngoài bằng thép không gỉ, mặt ngoài cùng phủ polymer - Kích thước từ 4Fr đến 6Fr, tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài từ 45cm đến 90cm - Dạng cong và thẳng - Có van cầm máu và khóa 3 ngã - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	70
321	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh dạng sheath, dài 80 - 100cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh dạng sheath - Chất liệu Polymer. Lòng làm bằng thép đa lớp, đầu xa phủ lớp Platinum cân quang - Đường kính trong 0.087" - 0.088" - Chiều dài từ 80cm đến 100cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
322	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh dạng sheath, dài 80 - 110cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh dạng sheath - Chất liệu Polymer - Đoạn phủ hydrophilic dài ≥ 15cm - Đường kính trong 0.089" - 0.090" - Chiều dài 80 - 110cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
323	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh khoảng 4.2Fr, dài 105 - 130cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh - Chất liệu nhựa mềm có phủ ái nước và thành bằng Nitinol - Đường kính trong khoảng 0.042 - 0.043", đường kính ngoài khoảng 4.2Fr, dài 105 - 130cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
324	Ống thông dẫn đường hỗ trợ xuyên vách, dài 70 - 72cm	Ống thông dẫn đường hỗ trợ xuyên vách điều khiển độ cong 2 chiều - Dài 70 - 72cm - Đầu kim có cán bức xạ, van cầm máu - Tự động khóa - Thân kim dạng bện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
325	Ống thông đưa dây tạo nhịp vào vị trí bó HIS hoặc bó nhánh trái	Ống thông đưa dây tạo nhịp vào vị trí bó HIS hoặc bó nhánh trái - Chất liệu bên trong ống được phủ Hydrophilic - Chiều dài ≥ 39cm - Gồm phụ kiện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
326	Ống thông đường dẫn hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ, dài ≥ 63 cm	Ống thông đường dẫn hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ - Cỡ 8Fr, 8.5Fr, dài ≥ 63cm - Lỗ bên có đường kính < 0.025" - Vò bện - Có van cầm máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
327	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành, các cỡ	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành - Chất liệu thép không gỉ - Lõi đan dải kim loại, lớp áo phủ ái nước - Kích cỡ 6/ 7/ 8Fr, dài 25 - 40cm - Chiều dài thân ≥ 125cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
328	Ống thông hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận	Ống thông hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận - Chiều dài ống thông ≥ 145cm - Đường kính trong 1.32 - 1.33mm - Chiều dài trục đoạn xa 24 - 25cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
329	Ống thông hút huyết khối can thiệp mạch não, đường kính trong tối thiểu 0.07", đường kính ngoài tối thiểu 0.0825", dài 125 - 131cm	Ống thông hút huyết khối - Chất liệu Nhựa mềm, phủ ái nước và thành gia cố bằng Nitinol - Đường kính trong tối thiểu 0.07" - Đường kính ngoài tối thiểu 0.0825" - Dài 125 - 131cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	55
330	Ống thông hút huyết khối mạch não loại nhỏ, đường kính trong tối thiểu 0.035", dài ≥ 153 cm	Ống thông hút huyết khối mạch não - Chất liệu Polymer - Đường kính trong tối thiểu 0.035" - Chiều dài ≥ 153cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
331	Ống thông hút huyết khối, dài ≥ 132 cm	Ống thông hút huyết khối - Chất liệu nhựa mềm có phủ ái nước, thành được gia cố bằng Nitinol - Đường kính trong 0.068", 0.071" - Đường kính ngoài 5 - 6Fr - Dài ≥ 132cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
332	Ống thông làm tiêu huyết khối trong mạch máu ngoại biên, các cỡ	Ống thông làm tiêu huyết khối trong mạch máu ngoại biên - Chất liệu Pebax, Bismuth Subcarbonate - Đường kính 4 - 5Fr, dài 45 - 135cm - Tương thích dây dẫn có đường kính 0.035" - Kèm theo dụng cụ bơm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	15
333	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não cỡ lớn, đường kính trong tối thiểu 0.072", dài 132 - 136cm	Ống thông hút huyết khối mạch máu não loại lớn. - Chất liệu Polymer, thành gia cố thép không gỉ và Nitinol - Đường kính trong tối thiểu 0.072" đường kính ngoài tối thiểu 6F - Chiều dài: 132 - 136cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
334	Ống thông trung gian cho can thiệp mạch não	Ống thông trung gian cho can thiệp mạch não - Chất liệu Polyme, mặt ngoài phủ lớp ái nước, có lớp PTFE bên trong - Dài khoảng 115 - 145cm - Đường kính trong khoảng 0.039", 0.052", 0.065" - Đầu xa khoảng 25° - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
335	Ống thông trung gian hỗ trợ can thiệp mạch não và hút huyết khối, đường kính trong tối thiểu 0.055", dài ≥ 125cm	Ống thông trung gian hỗ trợ can thiệp mạch não và hút huyết khối - Chất liệu nhựa mềm, phủ ải nước và thành gia cố bằng Nitinol - Đường kính trong tối thiểu 0.055" - Chiều dài ≥ 125cm - Chiều dài đầu xa tối thiểu 17cm - Dạng đầu thẳng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	90
336	Ống thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ	Ống thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ - Chất phản ứng: silica, kaolin, phospholipid - Mức heparin đáp ứng: 1 - 6 đv/ml máu, số kênh thử: 1 - Lượng máu cần thiết: 1 - 2 giọt, dùng xilanh 1ml - Tương thích máy Hemochron Signature Elite - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuvette	2.150
337	Quả lọc máu động mạch dùng cho trẻ em, có lỗ màng lọc 32 micromet.	Quả lọc máu động mạch dùng cho trẻ em: - Chất liệu: Vỏ ngoài bằng Polycarbonate, màng lọc bằng polyester - Kích thước : lỗ màng lọc 32 micromet. - Thể tích mỗi máu : 40 ml - Cổng máu vào/ ra: 1/4" - Cổng thoát: Đầu cái có khóa - Lưu lượng tối đa có thể đạt tới 2.5Lit/phút. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10
338	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn, diện tích màng lọc 1.2 - 1.4m²	Quả lọc cô đặc máu người lớn - Màng lọc: Polyethersulfone - Tốc độ lọc tối thiểu 60 ml/h/mmHg - Diện tích màng lọc: 1.2 - 1.4m² - Thể tích dịch mỗi: ≤ 90ml - Áp suất xuyên màng ≤ 45mmHg - Áp suất xuyên màng tối đa ≤ 600mmHg. - Dây dẫn bằng nhựa - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	130
339	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em/ người lớn, diện tích màng lọc 0.2m² - 0.7m²	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em/ người lớn - Màng lọc: polyethersulfone - Diện tích bề mặt: 0.2m² - 0.7m² - Thể tích dịch mỗi: 40 - 140ml - Áp lực tối đa khoảng 66kPa - Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12 - Dây dẫn - Túi đựng chất thải - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	70
340	Quả lọc máu tim phổi người lớn, diện tích màng lọc tối thiểu 1.2m²	Quả lọc cô đặc máu dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn - Chất liệu: polysulfone/ polyethersulfone - Diện tích bề mặt màng lọc tối thiểu 1.2m² - Dung tích mỗi: ≤ 80ml - Áp lực xuyên màn tối đa ≤ 500mmHg - Đường kính sợi lọc tối thiểu 200 micron - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	290

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
341	Quả lọc máu tim phổi trẻ em, diện tích màng lọc 0.3m ² , 0.7m ²	Quả lọc cô đặc máu dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em - Vật liệu màng lọc polysulfone/ polyethersulfone - Diện tích bề mặt màng lọc 0.3m², 0.7m² - Dung tích mỗi 20 - 50 ml - Áp lực xuyên màn tối đa 500mmHg - Đường kính sợi lọc tối thiểu 200 micron - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	180
342	Shunt mạch vành, φ 1.25 - 2.0mm.	Shunt trong mạch vành giúp duy trì lưu lượng máu mạch vành khi phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu: silicone - Kích cỡ: từ 1.25 - 2.0mm - Đặc điểm: hai đầu hình ngọn nến không đối xứng tạo dòng chảy tối đa - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	60
343	Stent can thiệp động mạch chậu bụng bằng bóng, đường kính 5 - 10mm, dài 15 - 56mm	Stent can thiệp động mạch chậu bụng bằng bóng - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Silicon - Đường kính từ 5mm đến 10mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài từ 15mm đến 56mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài ống thông 80 - 170cm, tối thiểu 3 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.035" và ống dẫn 5/ 6/ 7Fr - Hệ thống loại OTW - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
344	Stent can thiệp động mạch chậu tự bụng, đường kính 7 - 10mm, dài 30 - 80mm	Stent can thiệp động mạch chậu tự bụng - Chất liệu Nitinol, phủ Silicon - Đường kính từ 7mm đến 10mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài từ 30mm đến 80mm, tối thiểu 4 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
345	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên có màng bọc, đường kính 5 - 10mm, dài 18 - 58mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch chậu, thận - Chất liệu Coban - Crom, phủ lớp ePTFE - Đường kính từ 5mm đến 10mm - Chiều dài từ 18mm đến 58mm - Tương thích với sheath 6Fr - 7Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
346	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel, đường kính 6 - 7mm, dài 40 - 150mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 6mm đến 7mm - Chiều dài từ 40mm đến 150mm - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
347	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, bằng coban-crom, đường kính 5 - 10mm, dài 18 - 58mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, nong bằng bóng - Chất liệu Coban - Crom - Đường kính từ 5mm đến 10mm - Chiều dài từ 18mm đến 58mm - Tương thích sheath 6Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
348	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, bằng Elgiloy, đường kính 5 - 24mm, dài 20 - 145mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu hợp kim Elgiloy, lõi Platinum - Đường kính từ 5mm đến 24mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài từ 20mm đến 145mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài trực thân khoảng 75 - 135cm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	50
349	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 5 - 10mm, dài 17 - 57mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính từ 5mm đến 10mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài từ 17mm đến 57mm, tối thiểu 5 cỡ - Hệ thống loại OTW - Tương thích dây dẫn 0.035" - Áp suất tối đa 12atm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	20
350	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 6 - 13.5mm, dài 40 - 120mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Nitinol có lớp bao PTFE, phủ carbon - Đường kính từ 6mm đến 13.5mm - Chiều dài từ 40mm đến 120mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
351	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung bằng nitinol có phủ silicon, đường kính 4 - 7mm, dài 20 - 200mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol, phủ silicone - Đường kính từ 4mm đến 7mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều dài từ 20mm đến 200mm, tối thiểu 5 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.018", 4Fr/6Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
352	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung bằng nitinol có phủ silicon, đường kính 5 - 7mm, dài 30 - 200mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol, lớp phủ silicone - Đường kính từ 5mm đến 7mm - Chiều dài từ 30mm đến 200mm - Tương thích dây dẫn 0.035", 4Fr/6Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
353	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung, dạng xoắn ốc, đường kính 5 - 7mm, dài 20 - 250mm	Stent mạch máu ngoại biên tự bung dạng xoắn ốc - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 5mm đến 7mm - Chiều dài 20 - 250mm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
354	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung, đường kính 5 - 12mm, dài 20 - 200mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 5mm đến 12mm, tối thiểu 8 cỡ - Chiều dài từ 20mm đến 200mm, tối thiểu 8 cỡ - Chiều dài trực thân từ 85cm đến 135cm, tối thiểu 2 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
355	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung, đường kính 5 - 14mm, dài 20 - 120mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 5mm đến 14mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài từ 20mm đến 120mm, tối thiểu 5 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
356	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung, đường kính 5 - 8mm, dài 20 - 200mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 5mm đến 8mm - Chiều dài từ 20mm đến 200mm - Chiều dài trực thân từ 75cm đến 130cm, tối thiểu 2 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
357	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên-chủ, đường kính 12 - 24mm, dài 18 - 58mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên-chủ có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò rỉ - Chất liệu Coban - Chrom, phủ lớp graft Micro-porous ePTFE - Đường kính từ 12mm đến 24mm - Chiều dài từ 18mm đến 58mm - Tương thích với sheath 9 - 14Fr - Chiều dài ống thông có 2 loại 75cm và 120cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
358	Stent chặn cổ túi phình dạng lưới có thể đóng mở bằng tay cầm bên ngoài	Stent chặn cổ túi phình dạng lưới có thể đóng mở bằng tay cầm bên ngoài - Chất liệu Nitinol - Đường kính 0.5 - 4.5mm, tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài 22 - 32mm, tối thiểu 2 cỡ - Tương thích catheter: 0.017"/ 0.021" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
359	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não, đường kính ≥ 4mm, dài 16 - 39mm	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não - Chất liệu Nitinol, Platinum - Đường kính ≥ 4mm - Chiều dài từ 16mm đến 39mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
360	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não, đường kính 3.5 - 5.5mm, dài 17 - 33mm	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não dùng hỗ trợ chặn coil bít cho túi phình cổ rộng - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 3.5mm đến 5.5mm, tối thiểu 03 cỡ - Chiều dài từ 17mm đến 33mm, tối thiểu 03 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
361	Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch máu não	Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch máu não - Chất liệu bên bằng các sợi Nitinol - Đường kính từ 3mm đến 11mm - Chiều dài từ 2mm đến 9.6mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
362	Stent chuyển dòng chảy cho túi phình mạch máu não	Stent chuyển dòng chảy điều trị phình động mạch não - Chất liệu Nitinol và Platinum - Đường kính từ 2mm đến 5mm - Chiều dài từ 9mm đến 30mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
363	Stent có màng bọc chứa túi phình mạch vành, đường kính 2.5 - 5.0mm, dài 15 - 26mm	Stent có màng bọc chứa túi phình mạch vành - Chất liệu Cobalt Chromium - Lớp màng bằng electrospun Polyurethane - Áp lực vỡ bóng 14 - 16atm - Đường kính từ 2.5mm đến 5.0mm - Chiều dài từ 15mm đến 26mm - Chiều dài Catheter ≥ 140 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
364	Stent điều trị hẹp mạch máu nội sọ dạng tự bung	Stent điều trị hẹp mạch máu nội sọ tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 3mm đến 5mm, dài từ 15mm đến 20mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
365	Stent động mạch cảnh 2 lớp, đường kính 6 - 10mm	Stent động mạch cảnh 2 lớp - Chất liệu: nitinol - Đường kính 6 - 10mm - Chiều dài 10 - 60mm - Tương thích sheath 6F và dây dẫn 0.014" - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
366	Stent động mạch cảnh tự bung, bằng Nitinol đường kính 6 - 10mm, dài 36 - 62mm	Stent động mạch cảnh tự bung điều trị hẹp động mạch cảnh ngoài sọ - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 6mm đến 10mm - Chiều dài sau khi bung 36 - 62mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
367	Stent động mạch cảnh tự bung, đường kính 6 - 10mm, dài 20 - 60mm	Stent động mạch cảnh tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 6mm đến 10mm - Chiều dài từ 20mm đến 60mm, tối thiểu 4 cỡ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
368	Stent động mạch chủ có vỏ bọc, đường kính 12 - 24mm, dài 16 - 60mm	Stent động mạch chủ có vỏ bọc - Chất liệu Platinum, Iridium - Đường kính từ 12mm đến 24mm - Chiều dài từ 16mm đến 60mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
369	Stent động mạch chủ ngực, chủ chậu, thận... đường kính 5.0 - 16mm, dài 16 - 61mm	Stent động mạch chủ ngực, sử dụng trong điều trị bệnh lý mạch máu như hẹp động mạch cảnh, thận, chậu-chủ, đùi, hẹp eo động mạch chủ... - Chất liệu thép không gỉ, được bao phủ lớp màng PTFE - Đường kính 5.0 - 16mm, tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài 16 - 61mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
370	Stent động mạch ngoại biên bung bằng bóng, đường kính 5 - 12mm, dài 16 - 58mm	Stent động mạch ngoại biên bung bằng bóng - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp PTFE - Đường kính 5 - 12mm - Chiều dài 16 - 58mm - Chiều dài catheter: 80/135cm - Áp lực vỡ bóng $\geq 12\text{atm}$ - Tương thích với dụng cụ mở đường 6F/7F/8F - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
371	Stent động mạch ngoại biên tự bung dùng điều trị trong tổn thương hẹp nội - ngoại vi ở bệnh nhân ghép AV và AV rò rỉ	Stent động mạch ngoại biên tự bung dùng điều trị trong tổn thương hẹp nội - ngoại vi ở bệnh nhân ghép AV - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp PTFE - Đường kính 6 - 10mm - Chiều dài 30 - 100mm - Chiều dài catheter 80/120cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
372	Stent động mạch thận bung bằng bóng, đường kính 4.5 - 7.0mm, dài 12 -19mm	Stent động mạch thận bung bằng bóng - Chất liệu Cobalt Chromium - Đường kính từ 4.5mm đến 7.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 12 - 19mm, tối thiểu 2 cỡ - Độ dày 120 - 140 μm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
373	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9, bằng coban - chrom, đường kính 2.25 - 4.0mm, dài 11 -36mm	Stent động mạch vành phủ thuốc biolimus A9 - Chất liệu bằng coban - chrom, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài từ 9mm đến 36mm, tối thiểu 7 cỡ - Độ dày $89 \pm 1\mu\text{m}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
374	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, bằng Platinum Chromium (PtCr), phủ lớp polymer, đường kính 2.25 - 4.0mm, dài 8 - 48mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu Platinum Chromium (PtCr), phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.25mm đến 5.0mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài từ 8mm đến 48mm, tối thiểu 5 cỡ - Độ dày 74 - 75 μm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	400
375	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.0 - 4.0mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu: hợp kim Cobalt-Chromium - Đường kính chạy từ 2.0mm đến 4.0mm, tối thiểu 05 cỡ - Chiều dài từ 8mm đến 38mm, tối thiểu 06 cỡ - Độ dày 81 - 82 μm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
376	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.25 - 4.0mm, bằng hợp kim Cobalt-Chromium, phủ lớp polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu: hợp kim Cobalt-Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính chạy từ 2.25mm đến 4.0mm, tối thiểu 05 cỡ - Chiều dài từ 8mm đến 48mm, tối thiểu 10 cỡ - Độ dày 81 - 82 μm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
377	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 3.5 - 5.0mm, dài 8 - 32mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus (1mcg/mm2) - Chất liệu Platinum Chromium, phủ polymer - Đường kính 3.5 - 5.0mm - Chiều dài 8 - 32mm - Khung stent có 4 kết nối ở phần đầu gần và 3 kết nối ở thân - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	100
378	Stent động mạch vành phủ thuốc Novolimus, đường kính 2.5 - 4.0mm, dài 14 - 38mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Novolimus - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.5mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 14mm đến 38mm - Độ dày 81 - 82µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
379	Stent động mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus, đường kính 2.5 - 4.0mm, dài 8 - 44mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.5mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 8mm đến 44mm - Độ dày 90 - 91µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
380	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium - Đường kính từ 2.25mm đến 5.0mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài từ 8mm đến 40mm, tối thiểu 8 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.014" - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
381	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0 - 4.0mm, dài 10 - 38mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu hợp kim thép carbon, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.0mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 10mm đến 38mm - Độ dày 110 - 115µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
382	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0 - 4.0mm, dài 8 - 40mm	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.0mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 8mm đến 40mm - Độ dày 68µm/79µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
383	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0 - 4.0mm, dài 9 - 38mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu hợp kim Cobalt-Chromium - Đường kính từ 2.0mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 9mm đến 38mm - Độ dày 55 - 65µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
384	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0 - 4.5mm, dài 9 - 39mm	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm - Chiều dài từ 9mm đến 39mm - Độ dày 75 - 76µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
385	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25 - 4.0mm, dài 8 - 48mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 8mm đến 48mm - Độ dày 65 - 72µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
386	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25 - 4.0mm, dài 9 - 38mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ Polymer - Đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm, tối thiểu 6 cỡ - Chiều dài từ 9mm đến 38mm, tối thiểu 9 cỡ - Độ dày khoảng 80µm - Có nghiên cứu Tỷ lệ TLF < 5% và huyết khối trong stent < 1%, Hiệu quả lâm sàng tốt cho các tổn thương chỗ chia đôi tại thời điểm 1 năm sau can thiệp - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn châu Âu (CE)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
387	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25 - 4.0mm, dài 9 - 40mm	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt chromium, phủ lớp silicone và polymer tự tiêu - Đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 9mm đến 40mm - Độ dày 60µm/80µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	400
388	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 3.0 - 3.5mm, dài 15 - 25mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu hợp kim Magnesium, phủ lớp polymer - Đường kính từ 3.0mm đến 3.5mm, tối thiểu 2 cỡ - Chiều dài từ 15mm đến 25mm, tối thiểu 3 cỡ - Độ dày 150 ± 0.1µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
389	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25 - 4.0mm, dài 9 - 58mm	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu hợp kim Cobalt-Chromium, phủ lớp polymer - Đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 9mm đến 58mm - Độ dày 80 - 81µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
390	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus, đường kính 2.0 - 5.0mm, dài 8 - 38mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus - Chất liệu Cobalt-Chromium - Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm - Chiều dài từ 8mm đến 38mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	450
391	Stent động mạch vành tự tiêu phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.5 - 4.0mm, dài 9 - 38mm	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Polymer - Đường kính từ 2.5mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 9mm đến 38mm - Độ dày ≥ 0.1mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
392	Stent graft cho động mạch chủ ngực, bằng hợp kim nitinol, đường kính 22 - 46mm, dài 105 - 210mm	Stent graft cho động mạch chủ ngực, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng mono-filament polyester - Đường kính từ 22mm đến 46mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 105 - 210mm - Đường kính dụng cụ: ≤ 25Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	28
393	Stent graft cho phình động mạch chủ ngực - bụng	Stent graft cho phình động mạch chủ ngực - bụng, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách bóp - thả - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng Polyester đa sợi - Đặc điểm: Thân stent graft có 4 vị trí cho các động mạch thận, thân tạng và mạc treo tràng trên. - Đường kính đầu gần từ 33mm đến 38mm - Đường kính đầu xa từ 26mm đến 30mm - Chiều dài ≥ 220mm - Đường kính dụng cụ: 8.2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1
394	Stent graft động mạch chủ - chậu, có nhánh bảo tồn động mạch chậu trong	Stent graft động mạch chủ - chậu chung có nhánh bảo tồn động mạch chậu trong - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính đầu gần 14 - 18mm, dài ≥ 65mm - Đường kính đầu xa 10 - 14mm, dài 44 - 56mm - Hệ thống đưa stent: kích thước ≥ 18F - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
395	Stent graft động mạch chủ bụng	Stent graft động mạch chủ bụng - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng polyester - Stent graft chính: đường kính từ 23mm đến 36mm - Stent graft nhánh: đường kính từ 13mm đến 19mm - Chiều dài stent graft từ 100mm đến 160mm - Đường kính dụng cụ: 18 - 20Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	27
396	Stent graft động mạch chủ bụng bổ sung	Stent graft động mạch chủ bụng bổ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Stent graft nhánh: Đường kính từ 9mm đến 24mm, chiều dài từ 80mm đến 160mm - Stent graft nối dài dự phòng endoleak type I: Đường kính từ 20mm đến 36mm, chiều dài từ 40mm đến 700mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
397	Stent graft động mạch chủ bụng và 1 bên động mạch chậu, bằng hợp kim Nitinol, đường kính 23 - 36, dài ≥ 100mm	Stent graft động mạch chủ bụng và 1 bên động mạch chậu - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính từ 23mm đến 36mm - Chiều dài ≥ 100mm - Đường kính dụng cụ ≤ 20 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
398	Stent graft động mạch chủ bụng, bằng hợp kim Nitinol, phủ Polyester, đường kính 23 - 36mm, dài $\geq$ 100mm	Stent graft động mạch chủ bụng dạng chữ Y - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Stent graft chính: Đường kính từ 23mm đến 36mm, chiều dài $\geq$ 100mm - Stent graft nhánh: Đường kính từ 10mm đến 28mm, chiều dài từ 85mm đến 195mm - Đường kính dụng cụ $\leq$ 20 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	8
399	Stent graft động mạch chủ bụng, kèm theo tối đa 2 miếng ghép phụ	Stent graft động mạch chủ bụng - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Stent graft chính: Đường kính từ 20mm đến 36mm, chiều dài từ 80mm đến 120mm - Stent graft nhánh: Đường kính từ 9mm đến 24mm, chiều dài từ 80mm đến 160mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	5
400	Stent graft động mạch chủ bụng, loại bỏ sung	Stent graft động mạch chủ bụng loại bỏ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính đầu gần 13 - 27mm, đầu xa 10 - 27mm - Hệ thống đưa stent: kích thước $\geq$ 16F - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	8
401	Stent graft động mạch chủ bụng, loại bỏ sung bằng hợp kim Nitinol, phủ Polyester	Stent graft động mạch chủ bụng loại bỏ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính đầu gần $\geq$ 16mm, đầu xa 10 - 28mm - Chiều dài từ 82mm đến 199mm, tối thiểu 5 cỡ - Đường kính dụng cụ $\leq$ 18Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
402	Stent graft động mạch chủ ngực bằng hợp kim Nitinol	Stent graft động mạch chủ ngực - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính từ 22mm đến 46mm - Chiều dài từ 100mm đến 245mm - Dụng cụ mở đường vào động mạch 12Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	15
403	Stent graft động mạch chủ ngực bằng hợp kim Nitinol, loại bỏ sung	Stent graft động mạch chủ ngực loại bỏ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính từ 22mm đến 46mm - Chiều dài từ 100mm đến 245mm - Dụng cụ mở đường vào động mạch 12 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
404	Stent graft động mạch chủ ngực kèm mạch máu nhân tạo trong phẫu thuật phình hoặc bóc tách động mạch chủ ngực	Stent graft động mạch chủ ngực kèm mạch máu nhân tạo trong phẫu thuật phình hoặc bóc tách động mạch chủ ngực - Khung (stent) bằng Nitinol - Màng (graft) bằng polyester, dạng thẳng/ có nhánh, dài 50 - 70mm - Stent dài 120 - 180mm - Đường kính đoạn mạch 22 - 40mm - Phần chuyển tiếp giữa phần mạch máu và stent graft có vòng định vị - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	7
405	Stent graft động mạch chủ ngực, bung stent xoay tròn, loại bổ sung, bằng hợp kim nitinol, đường kính 22 - 46mm, dài 150 - 200mm	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ ngực, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính từ 22mm đến 46mm - Chiều dài từ 150mm đến 200mm - Đường kính dụng cụ: $\leq 25\text{Fr}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	13
406	Stent graft động mạch chủ ngực, cơ chế Bóp-rời-Thả	Stent graft động mạch chủ ngực, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách Bóp-rời-Thả - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính từ 24mm đến 44mm - Chiều dài từ 80mm đến 230mm - Đường kính dụng cụ $\geq 20\text{F}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
407	Stent graft động mạch chủ ngực, cơ chế Bóp-rời-Thả, loại bổ sung	Stent graft bổ sung cho động mạch chủ ngực, loại bổ sung, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách Bóp-rời-Thả - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính từ 24mm đến 44mm - Chiều dài từ 80mm đến 230mm - Đường kính dụng cụ $\geq 20\text{F}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
408	Stent hỗ trợ điều trị túi phình mạch não và dùm trong hẹp nội sọ	Stent hỗ trợ điều trị túi phình mạch não và dùm trong hẹp nội sọ - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 3mm đến 6.5mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài 15 - 35mm, tối thiểu 5 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.0165" - 0.021" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
409	Stent lấy huyết khối can thiệp mạch máu não, đường kính 4 - 6mm, dài 20 - 40mm	Stent lấy huyết khối can thiệp mạch máu não - Chất liệu Nitinol - Đường kính từ 4mm đến 6mm - Chiều dài từ 20mm đến 40mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
410	Stent lấy huyết khối có thể điều chỉnh độ bung bằng tay cầm bên ngoài	Stent lấy huyết khối có thể điều chỉnh độ bung bằng tay cầm bên ngoài - Chất liệu Nitinol Tantalum - Đường kính từ 1.5mm đến 6mm, tối thiểu 3 cỡ - Chiều dài $\geq 32\text{mm}$ - Tương thích catheter: 0.021" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
411	Stent lấy huyết khối mạch máu não, đường kính 3 - 6mm, dài 20 - 44mm	Stent lấy huyết khối mạch máu - Chất liệu Nitinol - Đường kính chạy từ 3mm đến 6mm, tối thiểu 04 cỡ - Chiều dài từ 20mm đến 44mm, tối thiểu 04 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
412	Stent lấy huyết khối mạch máu não, tự bung	Stent lấy huyết khối mạch máu não, tự bung - Chất liệu Nitinol - Có đánh dấu ở đoạn đầu - Đường kính từ 3.5mm đến 6.0mm, tối thiểu 03 cỡ - Chiều dài từ 28mm đến 50mm, tối thiểu 03 cỡ - Tương thích với ống thông tối thiểu các cỡ: 0.0165"; 0.021"; 0.027" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20
413	Stent lấy huyết khối trong lòng mạch não, đường kính 3 - 6mm, dài 30 - 48mm	Stent lấy huyết khối trong lòng mạch não - Chất liệu Nitinol và Platinum - Có đánh dấu trên stent - Đường kính từ 3mm đến 6mm - Chiều dài từ 30mm đến 48mm - Tương thích với Catheter 0.021", 0.0165" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
414	Stent mạch não dùng cho túi phình cổ rộng, đường kính 2.5 - 3.5mm, dài 13 - 33mm	Stent mạch não dùng cho túi phình cổ rộng - Chất liệu các sợi Nitinol - Đường kính từ 2.5mm đến 3.5mm - Chiều dài từ 13mm đến 33mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
415	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9 - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr) - Đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 9mm đến 36mm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
416	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.0 - 4.5mm, dài 8 - 48mm	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu kim loại Cobalt Chromium (CoCr), phủ lớp Polymer - Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm - Chiều dài từ 8mm đến 48mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	30
417	Stent mạch vành phủ thuốc Novolimus, có khớp mở, đường kính 2.25 - 3.5mm, dài 14 - 38mm	Stent mạch vành phủ thuốc Novolimus - Chất liệu Cobalt Chromium, bao 2 lớp polymer tự tiêu - Đường kính từ 2.25mm đến 3.5mm, tối thiểu 5cỡ - Chiều dài 14 - 38mm, tối thiểu 5 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	70
418	Stent mạch vành phủ thuốc sirolimus, đường kính 2.25 - 4.5mm, dài 9 - 48mm	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium - Đường kính từ 2.25mm đến 4.5mm, tối thiểu 7 cỡ - Chiều dài từ 9mm đến 48mm, tối thiểu 10 cỡ - Áp suất $\geq 6\text{atm}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	60

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
419	Stent ngoại biên tự bung chất liệu nitinol có thanh cuộn kiểm soát tốc độ thả stent	Stent ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol, catheter phủ lớp PTFE - Đường kính từ 5mm đến 10mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài từ: 40mm đến 200mm, tối thiểu 5 cỡ - Chiều dài catheter từ 80 đến 130cm, tối thiểu 2 cỡ - Tay cầm có hệ thống khóa và thanh cuộn kiểm soát tốc độ nhả stent - Tương thích với dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
420	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy, đường kính 2.5 - 5.0mm, dài 10 - 35mm	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy, điều trị túi phình động mạch não - Chất liệu Nitinol, Platinum - Đường kính từ 2.5mm đến 5.0mm - Chiều dài từ 10mm đến 35mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	35
421	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy, đường kính 2.5 - 5.5mm, dài 13 - 62mm	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy điều trị túi phình động mạch não - Chất liệu các sợi Nitinol - Đường kính từ 2.5mm đến 5.5mm - Chiều dài từ 13mm đến 62mm - Tương thích vi ống thông 0.021" và 0.027" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
422	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy, đường kính tối 2.5 - 6.0mm	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy điều trị phình động mạch não - Chất liệu tổng hợp Nitinol với lõi Platinum - Đường kính từ 2.5mm đến 6.0mm, tối thiểu 07 cỡ - Chiều dài từ 15mm đến 50mm, tối thiểu 05 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
423	Tay dao siêu âm lưỡi cong trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành	Tay dao siêu âm dùng trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành: - Chất liệu: lưỡi dao titan - Kích thước: cán dài 4-9cm - Đặc điểm: lưỡi cong - Tương thích bộ dẫn truyền xung động siêu âm cùng hãng và máy hàn cắt siêu âm GEN11 của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
424	Tay dao siêu âm lưỡi móc trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành	Tay dao siêu âm dùng trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành - Chất liệu: lưỡi dao titan - Kích thước: cán dài 4-9cm - Đặc điểm: lưỡi móc - Tương thích bộ dẫn truyền xung động siêu âm cùng hãng và máy hàn cắt siêu âm GEN11 của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
425	Thanh trượt dùng cho dụng cụ siêu âm lòng mạch	Thanh trượt dùng cho dụng cụ siêu âm lòng mạch - Chất liệu nhựa Plastic - Chiều dài ≥ 100 mm - Tương thích với dụng cụ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	120

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
426	Van tim động mạch chủ cơ học, có khung bảo vệ, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van làm bằng sợi polyester - Đường kính vòng van từ 17mm đến 29mm - Đường kính trong vòng van: 15 - 27mm - Diện tích lỗ van hiệu quả trên 1.42cm² - Kèm theo một tay cầm/xoay van - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	37
427	Van tim động mạch chủ cơ học, trục xoay gờ nổi, giảm tiếng ồn, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng sợi polyester - Đường kính vòng van: 16 - 24mm - Đường kính trong vòng van: 15 - 22.5mm - Kèm tay cầm van và dụng cụ hỗ trợ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
428	Van tim động mạch chủ cơ học, vòng khâu mỏng PTFE, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE), an toàn với ngưỡng INR dưới 2.0 - Đường kính vòng van từ 19mm đến 29mm, tối thiểu 5 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	22
429	Van tim động mạch chủ ngoại tâm mạc sinh học, vòng khâu van bằng silicone, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò, giá đỡ bằng hợp kim Cobalt - chromium và được phủ bởi lớp Polyester - Vòng khâu van bằng Silicone - Đường kính van 19 - 29mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	33
430	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học gồm ba lá riêng biệt từ màng tim bò, cỡ 19 - 29mm	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu: lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò, giá đỡ bằng hợp kim Cobalt - chromium và được phủ bởi lớp Polyester dệt - Vòng khâu van bằng Silicone được phủ bởi polytetrafluoroetylen (PTFE) - Đường kính van 19 - 29mm - Van có thể nong rộng trong can thiệp van về sau - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
431	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học, bằng màng ngoài tim bò, phủ polyester, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu lá van có cấu tạo từ màng tim lợn, làm từ polymer cao phân tử bọc bằng lớp vải polyester - Đường kính van 19 - 29mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
432	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học, khung van Polyetheretherketonee, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu: Ba lá van có cấu tạo từ màng tim bò, khung van bằng chất liệu Polyetheretherketonee được phủ polyester - Đường kính van 19 - 27mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
433	Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bằng màng tim bò	Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da: - Chất liệu khung van bằng hợp kim Cobalt, lá van làm bằng màng tim bò. lớp áo bên ngoài chất liệu polyetylen terephthalate (PET) - Đường kính van từ 20mm đến 32mm, tối thiểu 9 cỡ - Thể tích bóng nong từ 12ml - 40ml, tối thiểu 9 cỡ tương ứng với kích cỡ van - Chiều cao khung van: 17 - 21mm - Sheath: 14 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
434	Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bằng màng tim heo	Van tim động mạch chủ thay qua da, khung van loại tự bung - Chất liệu khung van bằng Nitinol, lá van làm bằng màng tim heo - Kích thước van từ 23mm đến 34mm, tối thiểu 4 cỡ - Chiều cao van từ 45mm đến 55mm - Catheter chuyển van 18Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
435	Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, khung van: cobalt-chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò	Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Khung van: cobalt-chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò và lớp áo bên ngoài chất liệu polyetylen terephthalate (PET) - Đường kính 20, 23, 26, 29mm - Chiều cao van: 15.5, 18, 20, 22.5mm - Thể tích bóng nong: 11, 17, 23, 33ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	10
436	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, vòng khâu van bằng Polytetrafluoroethylene	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng Polytetrafluoroethylene - Kích thước từ 25 - 33mm - Diện tích mở van $\geq 2.1\text{cm}^2$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
437	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, vòng khâu van bằng polytetrafluoroetylen và polyester	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng polytetrafluoroetylen và polyester - Các cỡ 23 - 33mm - Diện tích mở van trên 2.5cm^2 - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	35
438	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, vòng khâu van bằng sợi polyester	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng sợi polyester - Kích cỡ van từ 23mm đến 33mm - Đường kính lỗ van: 18 - 26mm - Diện tích mở van trên 2.5cm^2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	62
439	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, lá van bằng màng ngoài tim heo, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo sinh học - Chất liệu lá van màng ngoài tim heo, giá đỡ Polyester phủ màng ngoài tim bò, vòng khâu van từ polyester, có vòng chỉ hướng dẫn vị trí đặt van - Kích thước: từ 25 - 33mm, đường kính trong từ 23mm đến 31mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	37

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
440	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, màng ngoài tim bò, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo sinh học - Chất liệu lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - chromium - Vòng khâu có vòng chỉ hướng dẫn vị trí đặt van - Kích thước từ 25 đến 33mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	38
441	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, màng ngoài tim bò, vòng van bằng hợp kim Coban-chrom được phủ lớp Polyester	Van tim hai lá nhân tạo sinh học: - Chất liệu lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung van bằng Nitinol, vòng van bằng hợp kim Coban-chrom được phủ lớp Polyester - Kích thước từ 25mm đến 33mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
442	Vật liệu nút mạch các cỡ dạng hạt khô, kích thước hạt 300 - 500 micron	Vật liệu nút mạch các cỡ dùng để tắc mạch - Chất liệu polyvinyl Alcohol - Kích thước hạt: 300 - 500 micron - Dạng dạng hạt khô không chứa trong dịch/nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	20
443	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan loại tải thuốc, kích thước 20 - 200µm	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan loại tải thuốc - Chất liệu Polymer - Kích thước 20 - 200µm - Thời gian hấp thụ thuốc Doxorubicin và Irinotecan nhanh, gia tăng kích thước gấp 4 lần ban đầu sau khi ngâm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	80
444	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan loại tải thuốc, kích thước 30 - 125µm	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan loại tải thuốc - Chất liệu hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene-F - Kích thước 30 - 125µm - Khả năng ngâm thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/ml hạt - Thời gian hấp thụ: thuốc Doxorubicin từ 55- 60phút; thuốc Irinotecan từ 25 - 30phút - Đóng gói: dạng lỏng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	100
445	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan tải thuốc, kích thước 70 - 700µm	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan tải thuốc - Chất liệu hydrogel - Kích thước 70 - 700µm - Khả năng ngâm thuốc doxorubicin lên đến 37.5mg/ml hạt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	200
446	Vật liệu nút mạch hình cầu, kích thước 40 - 1200µm	Vật liệu nút mạch hình cầu sử dụng tắc dị dạng động tĩnh mạch, mạch khối u, và triệu chứng u xơ tử cung - Chất liệu acrylic kết hợp với gelatin - Kích thước 40 - 1200µm - Thể tích $\geq 2\text{ml}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	10

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
447	Vật liệu nút mạch không tái thuốc, kích thước hạt 40 - 1300µm	Vật liệu nút mạch không tái thuốc hình cầu dùng trong tắt dị dạng động mạch - Chất liệu hydrogel, phủ polymer - Kích thước 40 - 1300µm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	35
448	Vật liệu nút mạch tạm thời, bằng gelatin, kích thước 50 - 4000µm	Vật liệu nút mạch tạm thời thúc đẩy sự hình thành huyết khối trong động mạch hoặc tĩnh mạch bằng cơ chế nhân tạo để ngăn chặn hoặc làm chậm dòng máu - Chất liệu gelatin - Kích thước 50 - 4000µm - Thể tích ≥ 20ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	1.000
449	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014", 0.016"	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ, phủ Hydrophilic - Đường kính: 0.014", 0.016", dài 135 - 180cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
450	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính khoảng 0.016"	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Lõi bằng chất liệu Platinum, bề mặt phủ áo PU và ái nước Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.016" - Chiều dài từ 165cm đến 180cm - Đi kèm bộ dụng cụ: Torque, dụng cụ chèn, que định hình - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
451	Vi dây dẫn can thiệp mạch não, đường kính ≤ 0.008"	Vi dây dẫn can thiệp mạch não - Chất liệu thép không gỉ, Nitinol - Đường kính ≤ 0.008", dài ≥ 200cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
452	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành CTO, đường kính ≥ 0.014", dài 180 - 330cm	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành CTO - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ≥ 0.014", dài 180 - 330cm - Loại đầu tip: thẳng, J - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
453	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành mềm, đường kính ≥ 0.014", dài 150 - 300cm	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành mềm - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp silicon/ hydrophilic - Đường kính ≥ 0.014", dài 150 - 300cm - Loại đầu tip: thẳng, J - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.400
454	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên, đường kính 0.014", 0.018", phủ hydrophilic	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ, phủ Hydrophilic - Đường kính 0.014", 0.018" - Chiều dài từ 180 đến 300cm, tối thiểu 5 cỡ - Loại đầu tip: nhọn hoặc tù - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	180

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
455	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, bằng polymer, dài 156 - 165cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu nhựa Polymer, lớp ngoài phủ Hydrophilic - Đường kính $\leq 0.013"$, dài 156 - 165cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	60
456	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, bằng Polymer, đường kính 0.0165", 0.021", dài 155 - 156cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu Polymer, lớp lót PTFE bên trong - Đường kính 0.0165", 0.021", dài 155 - 156cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
457	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, bằng Polymer, đường kính $\geq 0.027"$, dài 154 - 156cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu Polymer, lớp lót PTFE bên trong - Đường kính $\geq 0.027"$, dài 154 - 156cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
458	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, dài 130 - 153cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não dùng trong can thiệp lấy huyết khối nội sọ - Chất liệu nhựa Polymer tương thích với dymethyl sulfo-oxide (DMSO), phủ lớp Hydrophilic - Đường kính trong 0.015" - 0.027" - Đường kính gần 1.4 - 2.8Fr - Đường kính xa 1.7 - 2.8Fr - Chiều dài 130 - 153cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40
459	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, dài 156 - 165cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu nhựa Polymer tương thích với dymethyl sulfo-oxide (DMSO), phủ lớp Hydrophilic - Đường kính trong 0.013" - 0.015" - Đường kính ngoài 1.5 - 2.7F - Dài khoảng 156 - 165cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
460	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, dài 156 - 167cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu mặt ngoài phủ Hydrophilic - Đường kính trong 0.013", 0.0165", dài 156 - 167cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
461	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính 2.2 - 3.4Fr, dài 133 - 154cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não chuyên dụng dùng cho stent cùng hãng - Đường kính ngoài 2.2 - 3.4Fr, dài 133 - 154cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
462	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong $\geq 0.0165"$	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não - Chất liệu Polymer, đoạn xa phủ lớp ái nước, bên trong phủ lớp PTFE - Đường kính trong $\geq 0.0165"$ - Đường kính ngoài đoạn đầu gần/xa: 2.3Fr/1.9Fr - Dài ≥ 150 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
463	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong $\geq 0.021"$	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não - Chất liệu Polymer, đoạn xa phủ lớp ái nước, bên trong lòng ống phủ lớp PTFE - Đường kính trong $\geq 0.021"$ - Đường kính ngoài đoạn đầu gần/xa: 2.8Fr/2.3Fr - Dài 150 - 170cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
464	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong 0.017", 0.021", 0.027", dài 105 - 160cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu nhựa Polymer tương thích với dymethyl sulfo-oxide (DMSO), gia cố thành bằng Nitinol và kim loại, bên trong có phủ lớp chống ma sát - Đường kính trong 0.017", 0.021", 0.027" - Đường kính ngoài 1.7 - 3.2Fr - Chiều dài 105cm đến 160cm, tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
465	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong tối thiểu 0.015"	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não - Chất liệu Polymer, đoạn xa phủ lớp ái nước, bên trong lòng ống phủ lớp PTFE - Đường kính trong tối thiểu 0.015" - Đường kính ngoài đoạn đầu gần/xa: 2.3Fr/1.7Fr - Dài ≥ 150 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
466	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, lớp trong cùng PTFE, lớp ngoài phủ Hydrophilic, dài 150 - 156cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu mặt trong phủ PTFE, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính 0.017", 0.021", 0.027", dài 150 - 156cm - Dạng đầu thẳng, 45°, 90° và hình chữ J - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	150
467	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên và tạng	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên - Bọc Tungsten chống vặn xoắn; chất liệu PTFE, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần: 2.7F - 2.9F - Đường kính ngoài đầu xa: 1.7F - 2.7F - Chiều dài: từ 70cm - 150cm - Tương thích vi dây dẫn từ 0.016" đến 0.025" - Chịu được áp lực lên đến 1.000 psi. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
468	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên, dài 60 - 150cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên - Lớp bọc Tungsten, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần: 2.6Fr, đầu xa 1.6 - 1.8Fr - Chiều dài: 60 - 150cm - Tương thích vi dây dẫn: 0.014" - 0.018" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
469	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, 3 lớp bọc tungsten phủ lớp hydrophilic, dài 110 - 130cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu bằng 3 lớp bọc tungsten, phủ lớp hydrophilic - Đường kính 2.6 - 2.7Fr, dài 110 - 130cm - Kèm theo 1 dây dẫn nhỏ can thiệp TOCE - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
470	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, đầu tip cong cổ thiên nga, các cỡ	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu đan từ sợi Nylon phủ lớp Hydrophilic - Đường kính đầu xa/gân: (2.1 - 2.9Fr)/(2.8 - 2.9Fr) - Chiều dài 110 - 150cm - Đầu tip thẳng/ cong 45°/ cong cổ thiên nga - Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
471	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, phủ lớp Hydrophilic, đường kính 2.4Fr/3Fr	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bện kim loại, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính 2.4Fr/3Fr - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	150
472	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bện Tungsten phủ hydrophilic	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bện Tungsten, phủ Hydrophilic - Đường kính trong khoảng 0.68 - 0.70mm - Đường kính ngoài đoạn xa/ đoạn gân: 2.6Fr/2.8Fr - Dạng đầu tip: angle hoặc multi curve - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
473	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bện Tungsten phủ hydrophilic, đầu tip ≥ 1.9 Fr	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bện Tungsten, phủ Hydrophilic - Đường kính 0.022", 0.027" - Chiều dài từ 105cm đến 150cm, tối thiểu 3 cỡ - Đầu tip dạng thẳng, cong 45° - 80° - Đầu tip ≥ 1.9 Fr - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
474	Vi ống thông can thiệp mạch vành, 2 nòng, ống hình bầu dục	Vi ống thông can thiệp mạch vành 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX), ống hình bầu dục - Chất liệu lõi thép không gỉ chống xoắn, phủ lớp hydrophilic - Đường kính ngoài đầu tip ≥ 1.5 Fr - Đường kính ngoài đoạn xa 2.5 - 3.3Fr - Chiều dài ≥ 145 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
475	Vi ống thông can thiệp mạch vành, có 2 nòng, dài ≥ 140 cm	Vi ống thông can thiệp mạch vành 2 nòng - Chất liệu Polyamide resin và Polyethylene - Đường kính 2.8 - 2.9Fr, dài ≥ 140 cm - Khẩu kính đầu xa ≥ 0.42 mm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
476	Vi ống thông can thiệp mạch vành, đầu tip thuận ≥ 1.4 Fr	Vi ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu mặt ngoài làm bằng nhựa polyamide elastomer phủ lớp polymer. Mặt trong ống được viền bởi fluoropolymer. Đầu tip bằng Polyurethane - Đầu tip thuận ≥ 1.4 Fr - Đường kính trong 0.016" - 0.022" - Đường kính ngoài ≥ 1.9 Fr - Chiều dài 135 - 150cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
477	Vi ống thông đi qua tổn thương CTO, đầu tip thuận 1.3Fr, 1.8Fr	Vi ống thông đi qua tổn thương CTO - Chất liệu thép không gỉ. Mặt ngoài bằng nhựa polyamide elastomer phủ bởi polymer ái nước. Lòng trong phủ PTFE - Đầu tip thuận 1.3Fr, 1.8Fr - Đường kính ngoài: 2.1Fr, 2.6Fr, 2.8Fr - Chiều dài khả dụng: 135 - 150cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
478	Vi ống thông hỗ trợ thả coil	Vi ống thông hỗ trợ thả coil - Bọc Tungsten chống vặn xoắn; lớp lót PTFE bên trong, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính trong $\geq 0.021"$ - Đường kính ngoài đầu gần/ đầu xa: 2.8Fr/1.9Fr - Chiều dài 130 - 150cm - Tương thích vi dây dẫn: 0.018" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
479	Vòng van tim ba lá nhân tạo mềm dẻo có chọn lọc, hình dạng lượn sóng 3D, cỡ 24 - 36mm	Vòng van tim ba lá nhân tạo, dạng lượn sóng 3D - Chất liệu lõi bằng titanium, vòng khâu bằng silicone phủ polyester - Thiết kế: vòng van hở - Kích cỡ từ 24mm đến 36mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	85
480	Vòng van tim hai lá nhân tạo hình yên ngựa, lõi cứng phần trước, mềm phần sau, cỡ 24 - 40mm	Vòng van tim hai lá nhân tạo - Chất liệu lõi từ Cobalt - chromium, vòng khâu bằng silicone phủ polyester - Kích cỡ từ 24mm đến 40mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	65
481	Vòng van tim hai lá/ba lá nhân tạo loại bán cứng	Vòng van tim hai lá/ba lá nhân tạo loại bán cứng - Chất liệu gồm lõi Nickel Cobalt được phủ Silicone và bọc sợi polyester - Kích cỡ từ 24mm đến 36mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	15
482	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, đường kính 1 - 24mm	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não - Chất liệu Platinum - Đường kính 1 - 24mm, dài 1 - 68cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	500
483	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não và ngoại biên, các cỡ	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não và ngoại biên - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil 0.010" - 0.014" - Đường kính vòng 1.5 - 12mm - Chiều dài 1 - 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
484	Vòng xoắn kim loại dạng coils dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên, đường kính 2 - 20mm	Vòng xoắn kim loại dạng coils dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên - Chất liệu Platinum và Nitinol - Đường kính sợi coil 0.018" - 0.035" - Đường kính coil 2 - 20mm - Chiều dài 4 - 60cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200

Stt	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
485	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch máu não, sợi coil 0.009 - 0.012"	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch máu não - Chất liệu Platinum - Đường kính 1 - 1.5mm, dài 2 - 4cm - Sợi coils 0.009 - 0.012" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
486	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch máu não, sợi coils 0.012 - 0.014"	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch máu não - Chất liệu Platinum - Đường kính 2 - 20mm, dài 1.5 - 30cm - Sợi coils 0.012 - 0.014" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
487	Vòng xoắn kim loại lớn dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên, đường kính 2 - 32mm	Vòng xoắn kim loại lớn dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên cắt bằng cơ học - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil 0.020", 0.025" - Đường kính coil 2 - 32mm - Chiều dài 2 - 60cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
488	Vòng xoắn kim loại nút mạch não và ngoại biên có sợi siêu nhỏ không phụ thuộc dòng điện 0.0115" - 0.0145"	Vòng xoắn kim loại nút mạch não và ngoại biên có sợi siêu nhỏ không phụ thuộc dòng điện - Chất liệu bằng Platinum - Đường kính từ 0.0115" đến 0.0145", tối thiểu 4 cỡ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
489	Vòng xoắn kim loại nút phình mạch não và ngoại biên, bằng chất liệu Platinum	Vòng xoắn kim loại nút phình mạch não và ngoại biên cắt bằng cơ học - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil 0.010", 0.0115", 0.0108", 0.015" - Đường kính coil 1 - 25mm - Chiều dài 1 - 50cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	150